**BÀI 11. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**Tiết 22, 23: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**- Năng lực địa lí:**

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

- So sánh đặc điểm tự nhiên giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế.

- Phân tích đặc điểm dân cư, văn hóa của các nước trong khu vực và ảnh hưởng của dân cư tới kinh tế.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí của các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản của khu vực.

- Đọc và phân tích được bảng số liệu thống kê,đưa ra các nhận định về xu hướng phát triển dân số của khu vực Đông Nam Á.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế – xã hội khu vực và Việt Nam

**- Năng lực chung:**

+ Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sang tạo: biết sử dụng công cụ,phương tiện công nghệ thông tin phục vụ bài học, phân tích xử lí tình huống.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu bản đồ, lược đồ, tranh ảnh

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

- Yêu nước: Hiểu thêm, yêu thêm thiên nhiên, xã hội Việt Nam

- Nhân ái: Có ý thức học hỏi các nền văn hóa khác, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên**

- Bản đồ các nước Đông Nam Á,bản đồ tự nhiên Đông Nam Á, bản đồ phân bố dân cư Đông Nam Á

- Các phiếu học tập.

- Hình ảnh, video liên quan đến Đông Nam Á

- Máy chiếu/ tivi, trò chơi ô chữ

1. **Học sinh**

- Giấy note làm bài tập trên lớp.

- Điện thoại thông minh.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động - 5 phút**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, kích thích trí tò mò của HS đồng thời kết nối các kiến thức đã biết của học sinh với kiến thức mới trong bài học.

- Kết hợp rèn kĩ năng điều khiển, sử dụng máy tính.

**b. Nội dung:** HS tham gia trò chơi “Ghép nối thông tin”

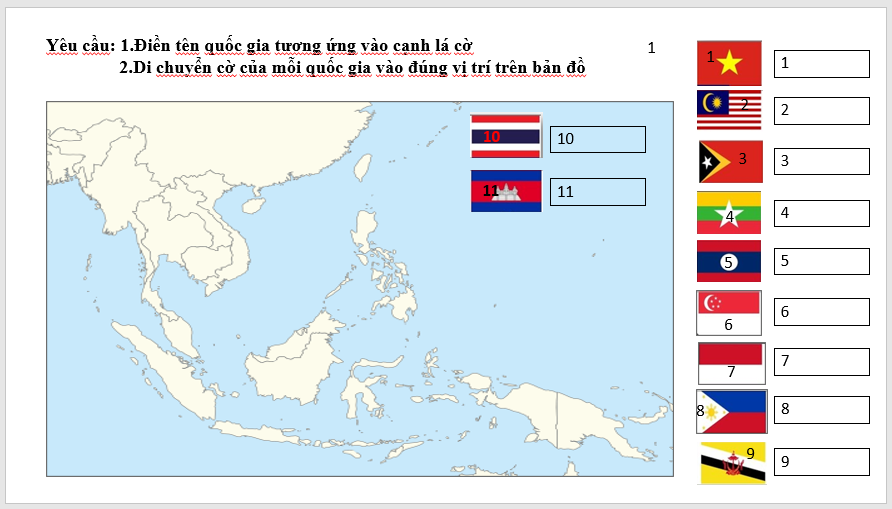
**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của các cặp trên màn hình máy tính

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**+ Nhiệm vụ: GV chiếu bản đồ câm Đông Nam Á và hình ảnh lá cờ của 11 quốc gia (có đánh số thứ tự từ 1-11) + phát tờ bản đồ câm (như hình dưới) tới các cặp đôi, yêu cầu học sinh làm việc theo cặp (cho phép sử dụng điện thoại thông minh). Các cặp thảo luận, điền thông tin vào tờ bàn đồ được phát (điền tên quốc gia vào ô cạnh lá cờ, điền số vào vị trí của từng quốc gia tương ứng với lá cờ trên bản đồ câm) và thực hiện 2 nhiệm vụ sau:**

* *Nv1: Đại diện của cặp nhanh nhất di chuyển lên bàn máy tính điền tên của từng quốc gia vào ô bên cạnh lá cờ*
* *Nv2: Đại diện của cặp nhanh tiếp theo di chuyển lên bàn máy tính kéo cờ của từng quốc gia thả vào vị trí tương ứng trên bản đồ câm*



**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* Các cặp thực hiện trong vòng 3 phút, ghi kết quả vào 1 tờ bản đồ câm được phát.
* Đại diện cặp nhanh nhất lên điền tên quốc gia vào 11 ô bên cạnh lá cờ
* Sau khi Gv chốt kiến thức của cặp đầu tiên, đại diện cặp nhanh thứ 2 lên kéo lá cờ của từng quốc gia thả vào vị trí tương ứng trên bản đồ.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Các cặp theo dõi quá trình và kết quả của mỗi cặp trên màn hình máy tính, và cho ý kiến điều chỉnh nếu có sai sót.



**-Bước 4: Kết luận**

GV tổng kết:

* Sự linh hoạt trong tìm kiếm thông tin của mỗi cặp đôi
* Tác phong trong quá trình di chuyển để được quyền điền thông tin
* Kĩ năng, sự thành thạo trong sử dụng máy tính

GV dẫn dắt vào bài

**2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí (7 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Á

- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Rèn kĩ năng và tư duy không gian bản đồ, rèn thao tác văn bản trên máy tính cho học sinh.

**b. Nội dung:** HS hoàn thành phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện**

**-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV duy trì cặp đôi đầu giờ và phiếu học tập đầu giờ để thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:**

* *Điền tiếp các thông tin mục 12, 13, 14 vào phiếu học tập cũ.*
* *Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí và lãnh thổ đối với phát triển KT-XH của khu vực ở mặt sau của phiếu học tập:*

|  |  |
| --- | --- |
| Vị trí địa lí | Phân tích ý nghĩa |
| Tiếp giáp với biển và đại dương |  |
| Tiếp giáp với các nước lớn |  |
| Tiếp giáp với các nền văn minh |  |

- **Bước 2**. **Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiến hành điền thông tin còn lại vào phiếu học tập đầu giờ, GV quan sát và hướng dẫn HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- **Bước 3**. **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện HS lên điền thông tin vào bản đồ trên màn hình và trả lời. các HS khác nhận xét bổ sung.

- **Bước 4**. **Kết luận** : GV nhận xét và chuẩn hóa nội dung học tập.

GV tổng kết:

* Sự linh hoạt trong tìm kiếm thông tin của mỗi cặp đôi
* Tác phong trong quá trình di chuyển để được quyền điền thông tin
* Kĩ năng, sự thành thạo trong sử dụng máy tính
* GV chiếu bản đồ hành chính Châu Á và chốt lại các thông tin về vị trí, toạ độ, ý nghĩa



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vị trí địa lí | Yêu cầu Phát hiện | Phân tích ý nghĩa |
| Tiếp giáp với biển và đại dương nào? | Nằm giữa châu Á và châu Đại dương, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương | Thuận lợi cho việc giao lưu quốc tế |
| Tiếp giáp với các nước lớn nào? | Tiếp giáp với 3 nước( Ấn Độ, Trung Quốc, Bănglađét), | Vị trí tạo sức hấp dẫn cho các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng |
| Tiếp giáp với các nền văn minh nào? | Vị trí nằm giữa các nền văn minh lớn( Trung Quốc và Ấn Độ) | Thuận lợi để các đạo giáo phát triển…ảnh hưởng rất lớn tới đời sống xã hội, phát triển kinh tế của khu vực |

|  |
| --- |
| - Nằm ở phía Đông Nam của lục địa Á- Âu, gồm 2 bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Á biển đảo.  - Diện tích khoảng 4,5 triệu km2.  - Tiếp giáp với 3 nước( Ấn Độ, Trung Quốc, Bănglađét), 2 đại dương ( Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương).  => Ý nghĩa:  +nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn  + thuận lợi: nằm trên tuyến đường biển quốc tế quan trọng nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua eo Ma- lắc- ca, nằm trong vùng kinh tế năng động.  + khó khăn: là khu vực có nhiều thiên tai, dễ xảy ra các tranh chấp về lãnh thổ,cạnh tranh về kinh tế. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (15 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Á

- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Rèn kĩ năng và tư duy không gian bản đồ, rèn thao tác văn bản trên máy tính cho học sinh.

- Rèn kĩ năng đọc và thâu tóm kiến thức, kĩ năng chắt lọc thông tin.

- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và phản biện thông tin

**b. Nội dung:**

- HS hoàn thành phiếu học tập

- HS thảo luận nhóm hoàn thành sản phẩm khăn trải bàn

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập

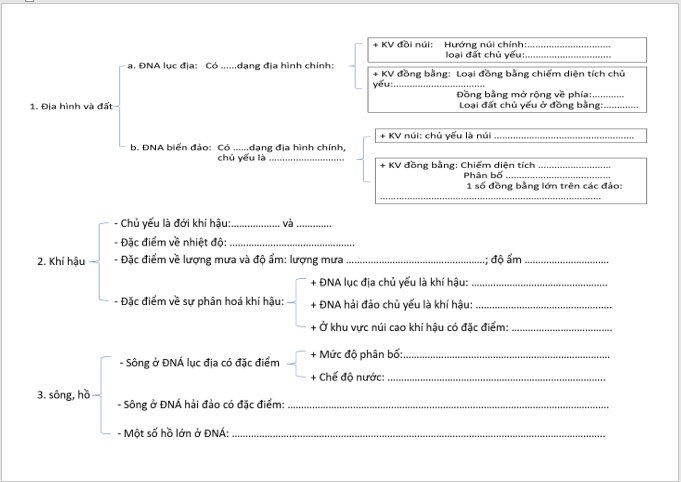
**d. Tổ chức thực hiện**

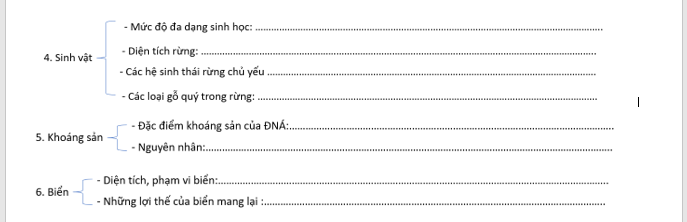
**\*Nhiệm vụ 1(7 phút)**

**-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV duy trì cặp đôi đầu giờ tìm hiểu nội dung sách giáo khoa và hoàn thành nội dung phiếu học tập (sơ đồ kiến thức):**

* *Điền thông tin vào phần trống của sơ đồ*





- **Bước 2**. **Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiến hành đọc, nghiên cứu nội dung sách giáo khoa, thảo luận cùng bạn để chọn được thông tin phù hợp nhất điền vào phiếu.

- **Bước 3**. **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện 6 HS của 6 cặp bất kì chiéu sản phẩm lên màn hình máy tính. Các cặp còn lại đọc thông tin trên bảng của 6 cặp và nhận xét, góp ý.

**- Bước 4. Kết luận :** GV nhận xét và chuẩn hóa nội dung học tập.

GV tổng kết:

* Sự linh hoạt trong tìm kiếm thông tin của mỗi cặp đôi
* Khả năng thâu tóm kiến thức và kĩ năng chắt lọc thông tin của từng cặp đôi
* GV chốt kiến thức

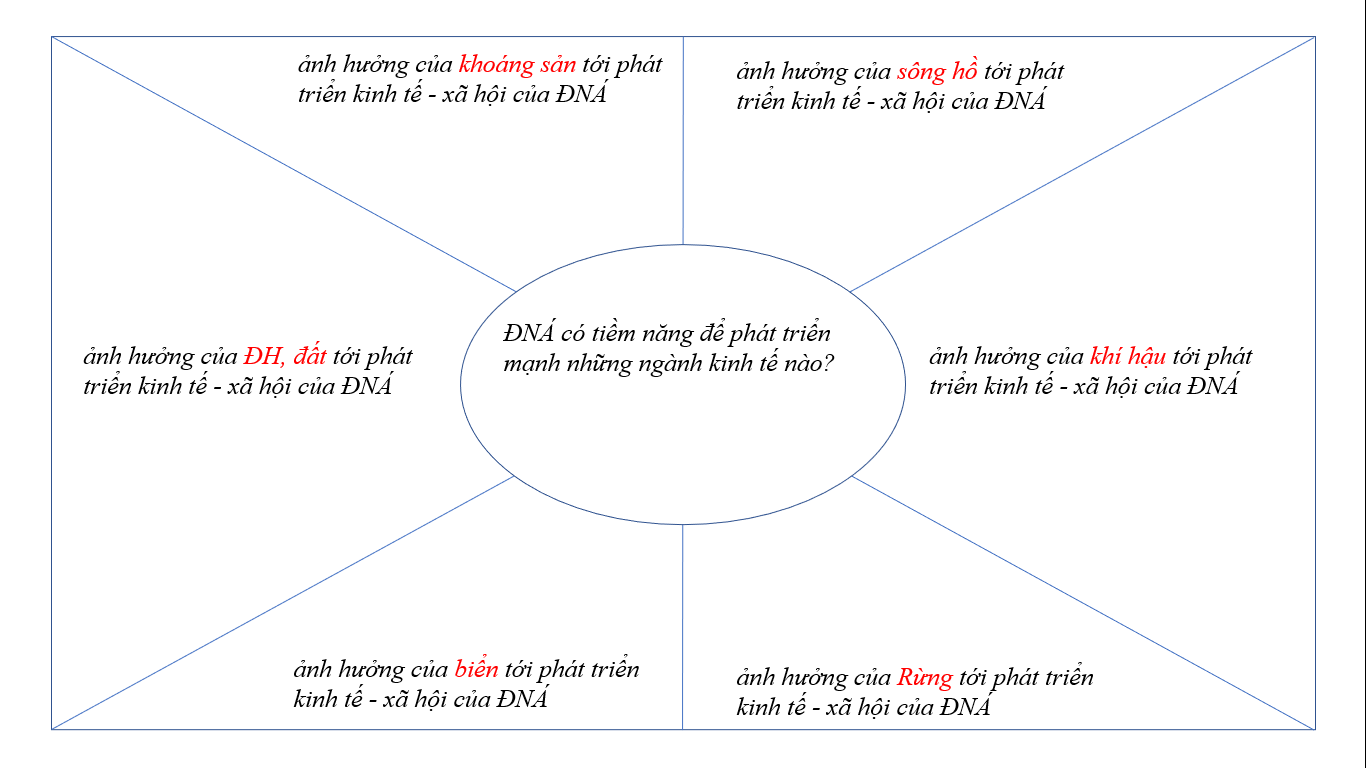
**\*Nhiệm vụ 2 (8 phút)**

**-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**+ GV chia lớp thành 4 nhóm (tối thiểu mỗi nhóm có 6 thành viên, đảm bảo mỗi nội dụng trong phiếu đều có ít nhất 1 hs tìm hiểu), yêu cầu các nhóm phân công nhóm trưởng, thư kí. Nhóm trưởng nhận nhiệm vụ, chuyển giao nhiệm vụ tới các thành viên, thư kí tiếp thu ý kiến, tổng hợp và hoàn thành phiếu.**

**+ 4 nhóm cùng thảo luận:**

* *Phân tích ảnh hưởng của 6 yếu tố tự nhiên tới phát triển kinh tế - xã hội của ĐNÁ*
* *Đánh giá chung: các điều kiện tự nhiên trên giúp ĐNÁ phát triển những ngành kinh tế nào?*



- **Bước 2**. **Thực hiện nhiệm vụ**:

+ HS nhận nhiệm vụ từ nhóm trưởng, tiến hành đọc, nghiên cứu nội dung sách giáo khoa và phần kiến thức đã hoàn thành ở sơ đồ kiến thức, thảo luận cùng bạn để chọn được thông tin phù hợp nhất điền vào phiếu.

+ GV quan sát, hỗ trợ nhóm chưa xác định được nhiệm vụ, chỉ dẫn cách thu thập thông tin ..vv..

- **Bước 3**. **Báo cáo, thảo luận:**

**+** GV gọi đại diện 1 nhóm lên báo cáo sản phẩm, các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung hoặc phản biện (nếu có khúc mắc)

+ GV cho đảo chéo sản phẩm của 4 nhóm, sau đó chiếu sản phẩm cuối cùng lên và chốt kiến thức, các nhóm theo dõi phần giảng, chốt của gv để điều chỉnh và chấm bài của nhóm bạn.

**- Bước 4. Kết luận :** GV nhận xét và chuẩn hóa nội dung học tập.

GV tổng kết:

* Sự tương tác, hỗ trợ nhau giữa các thành viên/ nhóm
* Khả năng thâu tóm kiến thức và kĩ năng chắt lọc thông tin của các thư kí, khả năng điều khiển nhóm của nhóm trưởng, kĩ năng thuyết trình và phản biện của các nhóm ….
* GV rút ra một số thiếu sót trong quá trình hoạt động nhóm, đưa ra giải pháp điều chỉnh để các lần sau hoạt động nhóm hiệu quả hơn.

**HOẠT ĐỘNG 4: TÌM HIỂU VỀ DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI CỦA ĐÔNG NAM Á(thời gian 10 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Nêu được đặc điểm về dân cư và xã hội của các nước ĐNA

- Phân tích được ảnh hưởng của dân cư tới sự phát triển kinh tế của khu vực.

- Rèn kĩ năng khai thác bản đồ, bảng số liệu

**2. Nội dung**

Học sinh làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi, xem video

**3.Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh

**4.Tiến trình hoạt động**

**Nhiệm vụ 1**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

- Yêu cầu HS dựa vào SGK, bản đồ (hình 11.4), bảng số liệu (hình 11.1), hãy :

+ Nêu đặc điểm dân số và phân bố dân cư Đông Nam Á?

+ Những đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế xã hội?

**Bước 2.thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn và yêu cầu của giáo viên, có thể trao đổi với bạn bên cạnh.

**Bước 3:Trao đổi, thảo luận**

Đại diện một số HS trả lời và HS khác nhận xét và bổ sung.

**Bước 4.** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. GV chuẩn hóa kiến thức cho HS.

**Nhiệm vụ 2**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ**

Giáo viên chiếu video về văn hóa các nước Đông Nam Á, yêu cầu học sinh xem video, nêu các đặc điểm nổi bật về văn hóa Đông Nam Á

**Bước 2**:**Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn và yêu cầu của giáo viên

**Bước 3**: **Trao đổi, thảo luận**

Học sinh trả lời, HS khác bổ sung

**Bước 4.** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. GV chuẩn hóa kiến thức cho HS.

|  |
| --- |
| **II. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**  1.Đặc điểm dân cư  - Dân số đông, năm 2020 là 668,4 triệu người.  - Tốc độ gia tăng dân số đang có xu hướng giảm  - Cơ cấu dân số trẻ  - Phân bố dân cư không đồng đều. Mật độ dân số cao (148 người/km2)  -Nhiều dân tộc  =>Ảnh hưởng của dân cư tới phát triển kinh tế.  - Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế  - Chất lượng lao động còn hạn chế, xã hội chưa ổn định gây khó khăn cho tạo việc làm và phát triển kinh tế của nhiều quốc gia.  -Nền văn hóa đa dạng  2.Xã hội  - Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng  -Đông Nam Á có sự xuất hiện của nhiều tôn giáo lớn  -Mức sống của người dân các nước trong khu vực và giữa các bộ phận dân cư trong một nước chênh lệch nhiều |

**C. LUYỆN TẬP (5 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Khắc sâu một số đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của khu vực.

- Đánh giá được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế

- Vận dụng kiến thức vừa học để giải thích những vấn đề liên quan đến bài học ở địa phương.

**2. Nội dung:** HS làm việc cá nhân

**3. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh**

**4. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ**: Mỗi học sinh được lựa chọn 1 ô chữ. Học sinh đó trả lời sai, học sinh khác có quyền trả lời. hs nào có câu trả lời cho hàng dọc khi chưa mở hết các ô hàng ngang được 10 điểm



Câu 1: Quốc gia nào ở Đông Nam Á có dân số chủ yếu theo đạo hồi? In-đô-nê-xia

Câu 2: Thiên tai mà các nước Đông Nam Á thường xuyên phải hứng chịu? Bão

Câu 3: Sông dài nhất khu vực Đông Nam Á? Mê-Kông

Câu 4: Cơ cấu dân số đặc trưng của các nước Đông Nam Á là gì? Dân số trẻ

Câu 5: Liên minh khu vực được thiết lập bởi hầu hết các nước Đông Nam Á là? ASEAN

Câu 6: Đất nước quần đảo có diện tích nhỏ nhất Đông Nam Á? Xingapo

Từ khóa: SEAGAMES

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh tham gia trò chơi

**Bước 3: Kết luận**

Giáo viên nhận xét về tinh thần học tập của lớp, tổng kết

**D. Vận dụng, mở rộng(3 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Giúp HS tìm hiểu các thông tin về tình hình xuất khẩu một số nông sản chủ yếu ở VN.

- Rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ, kĩ năng tra cứu và tổng hợp thông tin của HS.

**2. Tiến trình hoạt động:**

Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà

**+ Nhiệm vụ 1:** Sưu tầm thông tin về một số nông sản xuất khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay: sản lượng gạo, sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, đều, sản lượng thủy sản.

**+ Nhiệm vụ 2:** Dựa vào biểu đồ cơ cấu GDP của một số nước ĐNA trang 103 hãy nhận xét về xu hướng chuyển dịch cơ cấu GDP của một số nước ĐNA giai đoạn 1991-2004? Giải thích tại sao lại có sự chuyển dịch đó?

HS sẽ nộp và báo cáo kết quả trong tiết sau.GV kiểm tra sự chuẩn bị của một số em trong đầu tiết học sau. GV đánh giá nhận xét và cho điểm.

**IV.RÚT KINH NGHIỆM**

**TIẾT 24, 25 : KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**- Năng lực địa lí:**

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được một số đặc điểm kinh tế của khu vực Đông Nam Á

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để giải thích các vấn đề kinh tế của nước ta

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.

+ Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên**

- Phiếu học tập, thông tin phản hồi.

- Các biểu đồ hình 11.5, 11.7 phóng to

- Số liệu mới.

1. **Học sinh**

- Tìm hiểu trước một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và đặc điểm của các ngành kinh tế trong khu vực.

- Hoàn thành nhiệm vụ giáo viên giao trước ở nhà về vấn đề một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và đặc điểm của các ngành kinh tế trong khu vực.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động - 5 phút**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, kích thích trí tò mò của HS. Kiểm tra kiến thức nền tảng về khu vực Đông Nam Á của học sinh.

**b. Nội dung:** HStham gia trò chơi Nhà thông thái

- Hoạt động theo nhóm 4 HS.

**4. Tiến trình hoạt động**

**- Bước 1:** GV chia nhóm, phát giấy note và giao nhiệm vụ, các nhóm thực hiện nhiệm vụ nhanh nhất có thể.

Nhiệm vụ: Kể tên ít nhất 10 doanh nghiệp nước ngoài đang liên doanh tại Việt Nam.

- **Bước 2:** các nhóm thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả trao đổi vào 1 tờ giấy note, giơ cao bài làm và nộp cho GV khi hoàn thành.

- **Bước 3**: 4 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất sẽ được cộng điểm.

- **Bước 4:** GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ cấu kinh tế (5 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Hiểu được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực thông qua phân tích biểu đồ

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

**4. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.** GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm dựa vào hình 11.5 SGK trang 103 để nhận xét về xu hướng thay đổi của các quốc gia ĐNA theo phiếu học tập.

+ Nhóm 1,3:

|  |  |
| --- | --- |
| Nước | Khu vực I |
| In-đô-nê-xi-a |  |
| Phi-lip-pin |  |
| Căm-phu-chia |  |
| Việt Nam |  |
| Nhận xét chung toàn khu vực |  |

+ Nhóm 2,5:

|  |  |
| --- | --- |
| Nước | Khu vực II |
| In-đô-nê-xi-a |  |
| Phi-lip-pin |  |
| Căm-phu-chia |  |
| Việt Nam |  |
| Nhận xét chung toàn khu vực |  |

+ Nhóm 4,6:

|  |  |
| --- | --- |
| Nước | Khu vực III |
| In-đô-nê-xi-a |  |
| Phi-lip-pin |  |
| Căm-phu-chia |  |
| Việt Nam |  |
| Nhận xét chung toàn khu vực |  |

**Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung và hoàn thành nhanh vào PHT lớn (Giấy A0) về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Campuchia, Indonexia, Philippin, Việt Nam.

**Bước 3.** Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả. Các nhóm đánh giá, so sánh kết quả. Đại diện của 1 nhóm bất kỳ lên trình bày kết quả thảo luận trên cơ sở PHT đã chuẩn bị kết hợp hệ thống kênh hình, phương tiện trực quan trên màn chiếu của GV để trình bày.

**Bước 4.**Đánh giá, GV chuẩn hóa kiến thức cho HS.

- Đại diện hai nhóm còn lại nhận xét, góp ý và bổ sung.

- GV nhận xét đánh giá kết quả, thái độ làm việc của các nhóm. Đồng thời có thể đem kết quả của các nhóm còn lại lên đối chiếu, nhận xét.

- Sau đó chuẩn kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Cơ cấu kinh tế**  - Cơ cấu kinh tế khu vực Đông Nam Á có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: Giảm tỉ trọng khu vực I, Tăng tỉ trọng khu vực II và III  🡺 Thể hiện sự chuyển đổi từ nền kinh tế thuần nông lạc hậu sang kinh tế có nền công nghiệp và dịch vụ phát triển. |

**HOẠT ĐỘNG 2**: **TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP (thời gian: 7 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển công nghiệp: Xu hướng phát triển, các ngành công nghiệp chính và phân bố.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

**4. Tiến trình hoạt động**

*Bước 1*. Giao nhiệm vụ.GV phát phiếu học tập, sau đó yêu cầu các cặp đôi ngồi gần nhau sẽ trao đổi thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Công nghiệp | |
| Xu hướng phát triển |  |
| Những ngành phát triển mạnh trong những năm gần đây? |  |
| Tại sao vấn đề năng lượng cần phải đặt ra trong phát triển công nghiệp ở các nước Đông Nam Á? |  |

- Giáo viên chốt lại nội dung học tập bằng bảng thông tin phản hồi và các thông tin từ hoạt động khởi động

**Bước 4:** Đánh giá:Giáo viên đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

**Thông tin phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Công nghiệp** | |
| Xu hướng phát triển | - Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.  - Hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ.  - Đào tạo kĩ thuật cho lao động.  - Chú trọng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.  - >Tích lũy vốn. |
| Các ngành phát triển mạnh | - CN sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử phát triển nhanh, là ngành thế mạnh của ĐNA. (Xingapo, Malaixia, Inđônêxia, Việt Nam)  - CN khai khoáng: Dầu khí, than, khoáng sản kim loại ..... ( Việt Nam, Inđônêxia, Brunây):  - CN sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp....  - > Phục vụ xuất khẩu.  - CN điện: phát triển nhanh, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu. |
| Vấn đề năng lượng cần phải đặt ra trong phát triển công nghiệp ở các nước Đông Nam Á là vì | Sản lượng điện của khu vực có tăng song bình quân trên đầu người còn thấp, khd khăn cho vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa. |

**HOẠT ĐỘNG 3:TÌM HIỂU NGÀNH DỊCH VỤ (Thời gian: 3 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển dịch vụ Đông Nam Á.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

**4. Tiến trình hoạt động.**

**Bước 1.** Giao nhiệm vụ.

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển dịch vụ Đông Nam Á?

*+ Hướng phát triển của ngành dịch vụ?*

*+ Mục đích của ngành dịch vụ?*

**Bước 2:**HS suy nghĩ về các câu hỏi trong thời gian 2 phút.

**Bước 3***.*

- GV sử dụng kênh hình gọi một vài HS đại diện và hướng dẫn các em trả lời câu hỏi.

- Các HS khác bổ sung.

**Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

|  |
| --- |
| **III. Dịch vụ**  **1. Hướng phát triển**  - Phát triển cơ sở hạ tầng  - HĐH mạng luới thông tin, dịch vụ ngân hàng, tín dụng  - Phát triển du lịch  **2. Mục tiêu**  - Phục vụ đời sống, nhu cầu phát triển đất nước và thu hút đầu tư |

**Hoạt động 4:Tìm hiểu ngành nông nghiệp (Thời gian: 20 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển Nông nghiệp ĐNA.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ và liên hệ thực tế.

**4. Tiến trình hoạt động.**

**Bước 1.** GV chia lớp thành **9 nhóm chuyên gia**. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một nội dung

* **Vòng 1: Nhóm chuyên gia**

Nhóm 1,5,7: Trồng lúa nước.

Nhóm 2,4,8: Trồng cây công nghiệp.

Nhóm 3,6,9: Chăn nuôi, đánh bắt nuôi trồng hải sản.

Lưu ý: - Vòng này giáo viên đã giao về nhà cho học sinh làm trước. Yêu cầu học sinh nghiên cứu bài học, vẽ sơ đồ, tự thay nhau trả lời yêu cầu được giao sao cho mọi thành viên đều có kiến thức chuyên sâu để dạy lại cho các nhóm chuyên gia khác trong vòng 2.

- GV gợi ý cho học sinh những nội dung kiến thức cần phải trình bày được về các ngành nông nghiệp:

+ Điều kiện phát triển

+ Tình hình phát triển

+ Phân bố

**Bước 2.**

* **Vòng 2: Nhóm mảnh ghép (đi xem tranh)**

Các nhóm chuyên gia dán sơ đồ lên khu vực quy định. Học sinh đếm số 1,2,3 và các học sinh có cùng số về 1 nhóm tạo thành 3 nhóm mảnh ghép. Các nhóm di chuyển theo chiều kim đồng hồ, đem theo sách vở để nghe chuyên gia giảng giải, ghi chép và đặt câu hỏi. Mỗi trạm các học sinh chuyên gia của trạm đó có nhiệm vụ trình bày, giải thích cho các bạn hiểu trong thời gian 3 phút.

Sau khi quan sát học tập, HS về chỗ, GV tiến hành kiểm tra và chuẩn kiến thức.

|  |
| --- |
| **Nội dung của phần III** |
| **III- Nông nghiệp**  **1. Trồng lúa nước**  + Điều kiện phát triển  - Đất phù sa màu mỡ  - Khí hậu nhiệt đới ẩm  - Nguồn nước dồi dào  - Dân cư đông đúc  + Tình hình phát triển  - Lúa nước là cây trồng lâu đời của cư dân khu vực và trở thành cây lương thực chính  - Do áp dụng tiến bộ KHKT, năng suất lúa ngày càng tăng 🡪 đã cơ bản giải quyết được nhu cầu lương thực của các nước trong khu vực. Thái Lan và VN trở thành 2 nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.  - Vấn đề của các nước trong khu vực: Cần sử dụng hợp lí đất gieo trồng lúa nước, tránh tình trạng lãng phí => đòi hỏi có qui hoạch phát triển dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển.  + Phân bố  - Được phát triển ở tất cả các nước nhưng sản lượng nhiều nhất ở In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.  **2. Trồng cây công nghiệp và cây ăn quả**  + Điều kiện phát triển  - Đất feralit có diện tích lớn  - Khí hậu nhiệt đới ẩm  - Thị trường tiêu thụ lớn  + Tình hình phát triển và phân bố  - Cao su, cà phê, hồ tiêu có nhiều ở Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.  - Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước.  => Đông Nam Á là nguồn cung cấp chính cho thế giới về cao su, cà phê, hồ tiêu. Việt Nam là nước xuất khẩu hồ tiêu nhiều nhất thế giới  **3. Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản**  + Điều kiện phát triển  - Có nhiều đồng cỏ, nguồn lương thực được đảm bảo  - Có vùng biển rộng lớn  - Mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc, diện tích mặt nước lớn.  + Tình hình phát triển  - Chăn nuôi vẫn chưa trở thành ngành sản xuất chính nhưng có số lượng gia súc gia cầm tương đối lớn và tăng nhanh.  - Đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản phát triển, sản lượng đạt khá cao nhưng còn rất khiêm tốn so với các khu vực khác trên thế giới.  + Phân bố.  - Trâu, bò, lợn được nuôi nhiều Ở Ma-lai-xia, Thái Lan, Việt Nam  - Lợn nuôi nhiều ở Việt Nam, Thái Lan...  - Nghề nuôi trồng, đánh bắt cá phát triển ở tất cả các nước(trừ Lào) |

**C. LUYỆN TẬP (3 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Giúp HS củng cố hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa được lĩnh hội.

- Giải quyết được vấn đề đặt ra từ đầu tiết học đặt ra.

**3. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1:** GV tổ chức trò chơi con thú may mắn.

***Luật chơi:*** Có 5 con thú khác nhau, trong đó có 4 con thú chứa 4 câu hỏi trắc nghiệm và 1 con thú may mắn. Các học sinh được phép lựa chọn các con thú tùy ý, nếu chọn con thú có câu hỏi thì học sinh phải trả lời câu hỏi trắc nghiệm, trả lời đúng được cộng 1 điểm, trả lời sai học sinh khác có quyền trả lời. Nếu học sinh nào chọn được con thú may mắn thì không phải trả lời mà vẫn được 10 điểm.

**Câu 1.** Hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay chủ yếu nhằm

A. tăng cường mối liên doanh liên kết với các nước trong khu vực

B. tăng cường mối liên doanh liên kết với các nước trên thế giới

C. tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa của từng nước trong giai đoạn tiếp theo

D. phát triển việc giao lưu trao đổi hàng hóa trong từng nước và giữa các nước trong khu vực

**Câu 2.** Sản phẩm của một số ngành công nghiệp chế biến như: lắp ráp ô tô, xe máy, … đã có sức cạnh tranh vàtrở thành thế mạnh của các nước trong khu vực Đông Nam Á chủ yếu do

A. trình độ công nhân lành nghề

B. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài

C. giá nhân công rẻ và nguồn lao động dồi dào

D. nguồn tài nguyên phong phú

**Câu 3.** Câu nào dưới đây không chính xác về ngành dịch vụ của các nước Đông Nam Á

A. cơ sở hạ tầng hiện đại và ngày càng phát triển

B. hệ thống giao thông được mở rộng và tăng thêm

C. thông tin liên lạc được cải thiện và ngày càng nâng cấp

D. hệ thống ngân hàng, tín dụng phát triển và hiện đại

**Câu 4.** Nền nông nghiệp Đông Nam Á giữ vị trí quan trọng vì

A. tạo sản phẩm xuất khẩu chính cho tất cả các nước

B. đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cho người dân trong khu vực

C. tạo ra những cảnh quan xinh đẹp hấp dẫn khách du lịch quốc tế

D. cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu để phát triển công nghiệp

**Bước 2.** HS lần lượt lựa chọn các câu hỏi trả lời.

**Bước 3.** GV chuẩn kiến thức

**Tiết 26, 27: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**- Năng lực địa lí:**

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Trình bày được các mục tiêu chính và cơ chế hợp tác của ASEAN. Đánh giá được các thành tựu cũng như thách thức đối với ASEAN.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để trình bày những thuận lợi, khó khăn khi nước ta ra nhập ASEAN

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.

+ Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển kinh tế của ASEAN.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Bản đồ kinh tế chung Đông Nam Á.

- Phiếu học tập

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước bài

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về thành tựu và thách thức của ASEAN (GV giao nhiệm vụ trước tìm hiểu ở nhà).

**III. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT(5 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực giao tiếp, thống kê và ghi nhớ của học sinh.

**4. Tiến trình hoạt động**

**- Bước 1:** GV trình chiếu video giới thiệu về ASEAN

Sau đó lần lượt gọi 1 số học sinh đứng dạy hỏi: Em biết gì về ASEAN?

**Bước 2:** Các học sinh lần lượt trả lời. GV tổng kết, dẫn dắt vào bài.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về mục tiêu và cơ chế hợp tác của ASEAN (10 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Hiểu và trình bày được các mục tiêu chính, cơ chế hợp tác của ASEAN.

**4. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.** GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1,2: Tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN. Hiện nay còn nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa tham gia vào ASEAN?

+ Nhóm 3,4: Tìm hiểu về mục tiêu chính của ASEAN. Tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định?

+ Nhóm 5,6: Tìm hiểu về cơ chế hợp tác của ASEAN. Lấy một số ví dụ minh họa cụ thể cho các cơ chế hợp tác.

**Bước 2.** HS thực hiện theo nhóm, trình bày ngắn gọn nọi dung của mình lên giấy Ao trong vòng thời gian 5 phút. HS thảo luận, trao đổi chéo. GV quan sát và phát hiện ra khó khăn của học sinh để hướng dẫn kịp thời.

**Bước 3.** Đại diện học sinh các nhóm lên trình bày. Các học sinh khác bổ sung.

**Bước 4.** GV chuẩn kiến thức.

|  |
| --- |
| **THÔNG TIN PHẢN HỒI** |
| **I. MỤC TIÊU VÀ CƠ CHẾ HỢP TÁC CỦA ASEAN.**  \* Lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN:  Ra đời năm 1967, gồm 5 nước: Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Xing-ga-po.  - Số lượng thành viên ngày càng tăng, đến nay đã có 10 quốc gia thành viên.  - Quốc gia chưa tham gia ASEAN là Đông Ti-mo.  **1. Mục tiêu chính của ASEAN**  - Có 3 mục tiêu chính:  + Thúc dẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước thành viên.  + Xây dựng khu vực có nền hoà bình, ổn định.  + Giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ và bất đồng, khác biệt giữa nội bộ với bên ngoài.  => Đích cuối cùng ASEAN hướng tới là “Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định, cùng phát triển”.  **2. Cơ chế hợp tác của ASEAN**  - Thông qua các hội nghị, các diễn đàn, các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, thể thao...  Thông qua kí kết các hiệp ước hai bên, nhiều bên hoặc các hiệp ước chung.  - Thông qua các dự án, chương trình phát triển.  - Xây dựng khu vực thương mại tự do.  Thực hiện cơ chế hợp tác sẽ bảo đảm cho ASEAN đạt được các mục tiêu chính và mục đích cuối cùng là hoà bình, ổn định và cùng phát triển. |

HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu thành tựu và thách thức của ASEAN (20 phút)

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được các thành tựu và thách thức của ASEAN.

**4. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.** GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1&3: đọc mục II, sgk, tìm hiểu các thành tựu của ASEAN, hoàn thành phiếu học tập số 1 sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Thành tựu | Phân tích và cho ví dụ |
| Về kinh tế |  |
| Về nâng cao mức sống của nhân dân |  |
| Về an ninh xã hội, ổn định chính trị. |  |

GV cung cấp 1 số tư liệu cho nhóm 1: Tổng GDP ASEAN tăng vọt từ mức 37,6 tỉ USD năm 1970 lên 2.600 tỉ USD năm 2016.

+ Nhóm 2 &4: đọc mục III- sgk và hiểu biết thức tế, tìm hiểu thách thức của ASEAN, hoàn thành phiếu học tập số 2 sau:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khó khăn và thách thức*** | ***Phân tích và cho ví dụ*** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

HS làm việc theo nhóm, thời gian 5 phút.

**Bước 2.**HS: thực hiên cá nhân, sau đó trao đổi nhóm và chuẩn bị báo cáo GV, trao đổi với cả lớp về kết quả thực hiện.

Trong quá trình thực hiện GV quan sát và điều chỉnh nhiệm vụ học tập cho phù hợp với đối tượng HS.

**Bước 3.** GV tổ chức **trò chơi tiếp sức.**

GV chia lớp thành 2 nhóm lớn: Nhóm 1 - thành tựu, nhóm 2 - thách thức. GV yêu cầu các thành viên của 2 đội lần lượt lên bảng ghi các nội dung của nhóm mình. Mỗi thành viên chỉ được phép ghi một ý sau đó trở về cho các thành viên khác lên ghi. Trong thời gian 3 phút đội nào hoàn thành trước thì sẽ chiến thắng.

**Bước 4.** GV yêu cầu 2 học sinh bất kì của 2 nhóm lên trình bày nội dung của nhóm mình. Các học sinh khác có thể nhận xét, đánh giá chéo. GV chốt kiến thức, nhận xét đánh giá kết quả thực hiện của HS.

HS sửa hoàn chỉnh phiếu học tập của mình.

|  |
| --- |
| THÔNG TIN PHẢN HỒI |
| **II. Thành tựu củ ASEAN**  + Về kinh tế:  - 10/11 quốc gia trở thành thảnh viên của ASEAN, GDP xấp xỉ 800 tỉ USD.  - Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khối khá cao. (Xingapo; In-đô-nê-xia, Malaixia, Vnam..  + Về nâng cao mức sống của nhân dân: Đời sống nhân dân đã được cải thiện, cơ sở hạ tầng được hiện đại hóa. (Xingapo, Gia-cac-ta, Băng -cốc, Kualo Lăm-pơ…  + Về an ninh xã hội, ổn định chính trị. Tạo dựng được môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực.  **III. Thách thức của ASEAN**  + Trình độ phát triển còn chênh lệch: GDP bình quân đầu người còn chênh lệch giữa các nước thành viên: Xingapo rất cao, nhiêù nước rất thấp như Mianma, Campuchia, Lào…  + Vẫn còn tình trạng đói nghèo: Tình trạng đói nghèo ở mỗi nước khác nhau.  + Các vấn đề xã hội khác: Tôn giáo, sự hòa hợp dân tộc trong mỗi qgia, dịch bệnh, sử dụng TNTN, bảo vệ MT chưa hợp lí, thất nghiệp… |

HOẠT ĐỘNG 3. Tìm hiểu Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN (5 phút)

**1. Mục tiêu**

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong quá trình hội nhập.

**2. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.** GV yêu cầu HS dựa vào mục IV- sgk và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Nêu ví dụ cho thấy Việt Nam đã tham gia tích cực vào hoạt động của ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội?

+ Em có nhận xét gì về cơ hội và thách thức của Việt Nam khi ra nhập ASEAN.

**Bước 2.**HS thực hiện và chuẩn bị báo cáo kết quả. Cùng thời gian, GV gọi 2 HS lên bảng ghi kết quả thực hiện trên bảng, các HS khác làm vào vở.

**Bước 3.**GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng cách các HS nhận xét, bổ sung kết quả của 2 HS ghi trên bảng.

**Bước 4.**GV nhận xét đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuẩn hóa kiến thức.

|  |
| --- |
| THÔNG TIN PHẢN HỒI |
| **IV. VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP ASEAN.**  **1. Tham gia của Việt Nam**  - Về kinh tế, giao dịch thương mại của Việt Nam trong khối đạt 30%.  - Tham gia hầu hết các hoạt động về chính trị, văn hoá, giáo dục, xã hội, thể thao...  - Vị trí của Việt Nam ngày càng được nâng cao.  **2. Cơ hội và thách thức**  - Cơ hội: Xuất được hàng trên thị trường rộng lớn ngót nửa tỉ dân.  Thách thức: Phải cạnh tranh với các thương hiệu có tên tuổi, uy tín hơn, các sản phẩm có trình độ công nghệ cao hơn.  Giải pháp: Đón đầu đầu tư và áp dụng các công nghệ tiên tiến để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá. |

**C. LUYỆN TẬP (3 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Giúp HS củng cố hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa được lĩnh hội.

- Giải quyết được vấn đề đặt ra từ đầu tiết học đặt ra.

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:** Cá nhân/cả lớp

**3. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học.

- Trả lời các câu hỏi trong SGK

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp (hoặc hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà)

**Bước 3.** GV kiểm tra kết quả thực hiện của HS và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HS trong quá trình thực hiện.

**Tiết 28: THỰC HÀNH**

**TÌM HIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA ĐÔNG NAM Á**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực:**

**- Năng lực địa lí:**

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: So sánh được mức chi tiêu, số khách, doanh thu du lịch của từng khu vực. So sánh được tình hình xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được hình vẽ, bản đồ, lược đồ

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Đề xuất những sáng kiến để có thể nâng cao doanh thu từ khách du lịch.

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế.

+ Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua các hoạt động phát hiện, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến tự nhiên, dân cư và xã hội

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các hình vẽ, bản đồ, lược đồ .

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

**1. Chuẩn bị của GV**

- SGK – Địa lí 11.

- Biểu đồ số khách du lịch và chi tiêu của khách du lịch theo bảng 11 ở SGK (có cập nhật số liệu mới)

- Phiếu học tập

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách, tư liệu số liệu, tranh ảnh về tự nhiên, xã hội, kinh tế

- Chuẩn bị các dụng cụ học tập cho bài thực hành GV nhắc từ tiết trước.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Tình huống xuất phát (5 phút)**

**1. Mục tiêu**

- Tạo hứng thú cho học sinh để bước vào bài mới.

- Nhắc lại được các địa danh du lịch nổi tiếng của từng khu vực.

**2. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1:** Giáo viên cho học sinh xem tình hình ảnh để học sinh giành quyền chuyển lời đây là các các địa danh du lịch nổi tiếng nào? thuộc khu vực nào?

**Đáp án**

1. **NÚI PHÚ SĨ- NHẬT BẢN (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG Á)**
2. **PHƯỢNG HOÀNG CỔ TRẤN- TRUNG QUỐC (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG Á)**
3. **SINGAPORE (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á)**
4. **THÁP ĐÔI MALAYSIA (THUỘC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á)**
5. **DUBAI (THUỘC KHU VỰC TÂY NAM Á)**
6. **JERUSALEM(THUỘC KHU VỰC TÂY NAM Á)**

**- Bước 2:** GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi.

**- Bước 3:** GV gọi 01 HS xung phong thuyết minh về một trong những địa điểm du lịch trên, các HS khác trao đổi và bổ sung thêm.

**- Bước 4:** GV nhận xét và bổ sung ý kiến, mở rộng về Jerusalem

**B. Hình thành kiến thức mới**

HOẠT ĐỘNG 1: VẼ BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN HIỆN SỐ KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU DU LỊCH CỦA CÁC KHU VỰC. (20 PHÚT)

**1. Mục tiêu**

- Rèn luyện kỹ năng nhận dạng, vẽ biểu đồ cột 2 trục tung.

**2. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.**Giáo viên cung cấp bảng số liệu mới năm 2014 cho học sinh làm việc cá nhân để đạt nội dung yêu cầu của phần 1, xác định loại biểu đồ thích hợp.

**Bước 2.**Giáo viên phát vấn để học sinh nhắc lại những lưu ý khi vẽ biểu đồ cột đôi

* *Biểu đồ có 2 trục tung: một trục tung thể hiện số khách du lịch, một trục tung thể hiện chi tiêu của khách du lịch.*
* *Khoảng cách giữa các khu vực là bằng nhau.*
* *Sử dụng biểu đồ cột đôi khi bảng số liệu yêu cầu thể hiện: số lượng, sản lượng, tình hình….. Với bảng số liệu có hai đơn vị và không thể hiện theo năm.*

**Bước 3.** *Học sinh làm việc cá nhân hoàn thành biểu đồ trong thời gian 12 phút.*

**Bước 4.**  *Giáo viên cung cấp biểu đồ chuẩn, hai học sinh ngồi cạnh đổi bài cho nhau để nhận xét góp ý.*

HOẠT ĐỘNG 2: TÍNH BÌNH QUÂN CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH

( 5 phút)

**1. Mục tiêu**

* Rút ra được công thức và tính được bình quân chi tiêu của mỗi khách du lịch dựa trên đơn vị.
* Nhận xét được ốc châu khách và chi tiêu của khách du lịch quốc tế ở các khu vực.

**2. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.** Giáo viên cung cấp đơn vị tính bình quân chi tiêu của mỗi khách du lịch là: **USD/người**

**Bước 2.** Yêu cầu học sinh thảo luận trong nhóm để rút ra công thức tính ( thời gian thảo luận là 1 phút)

**Bước 3.** Mỗi thành viên trong nhóm dựa vào công thức vừa rút ra sẽ tính một khu vực và hoàn thành bảng số liệu trong thời gian 2 phút.

**Bước 4.** Giáo viên chọn hai nhóm bất kỳ trình bày kết quả tính được; cho học sinh so sánh nhanh về số khách du lịch và bình quân chi tiêu của mỗi khách đến các khu vực.

**Bước 5.** Các nhóm so sánh, đối chiếu với kết quả này làm của mình và hoàn thành bài tập, đề xuất các giải pháp để tăng doanh thu du lịch cho Việt Nam.

***2. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch***

***3. Nhận xét***

- Số lượng khách du lịch và tổng thu của khu vực Đông Nam Á ít hơn Đông Bắc Á nhưng cao hơn hai khu vực còn lại. (Số liệu)

- Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á chỉ xấp xỉ khu vực Tây Á, nhưng thua nhiều lần với khu vực Đông Bắc Á, Nam Á. (Số liệu)

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu về TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐÔNG NAM Á ( thời gian 7 phút)

**1. Mục tiêu**

* Nhận xét biểu đồ đồ giá trị xuất nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
* Nhắc lại được công thức tính cán cân xuất nhập khẩu và nhận xét được ốc toán cân xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á qua các năm.

**2. Tiến trình hoạt động**

**Bước 1.** giáo viên Chia lớp thành 8 nhóm và phát phiếu học tập (phần phụ lục) cho học sinh, Giáo viên sẵn kẻ sẵn bảng kết quả thảo luận của học sinh ở trên bảng

**Bước 2.** Học sinh làm việc trong thời gian 2 phút.

**Bước 3.** Sau thời gian 2 phút giáo viên cho học sinh điền kết quả ở trên bảng ( phần giáo viên đã kẻ sẵn ở bước 1. các nhóm có cùng phiếu học tập của nhận xét điều chỉnh Nếu có sai sót.

**Bước 4.** giáo viên chuẩn kiến thức và mở rộng về tình hình xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**NỘI DUNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Cán cân xuất nhập khẩu (+,-)** | | | |
| **Xin-ga-po** | **Thái Lan** | **Việt Nam** | **In- đô-nê-xi-a** |
| **1990** | + | - |  | + |
| **2000** | + | + | - | + |
| **2014** | + | + | + | - |

**C. Hoạt động luyện tập (4 phút)**

**1. Mục tiêu:** Nhằm củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học.

**2. Tiến trình hoạt động**

**- Bước 1:** GV cho học sinh làm các câu trắc nghiệm sau.

Câu 1. Mức chi tiêu bình quân của mỗi lượt du khách quốc tế đến khu vực Đông bắc Á năm 2014 là

A. 1013,3 USD. B.725,6 USD. C. 1216,7 USD. D.1745,9 USD.

Câu 2. Số khách du lịch và mức chi tiêu của mỗi khách du lịch phản ánh rõ khu vực Đông Nam Á

A. Không có các tài nguyên du lịch nên thu hút được ít khách du lịch.

B. Có rất nhiều tài nguyên du lịch nhưng ít có dịch vụ đi kèm, doanh thu thấp.

C. Chưa quảng bá được tài nguyên du lịch cho du khách biết.

D. Trình độ dịch vụ và sản phẩm du lịch còn thấp.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây không đúng về số khách du lịch quốc tế đến và mức chi tiêu của du khách ở một số khu vực châu Á năm 2014?

A. Số lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á tương đương với khu vực Tây Nam Á.

B. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch quốc tế đến Đông Nam Á thấp hơn so với Đông Bắc Á.

C. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch quốc tế đến Đông Nam Á thấp hơn so với khu vực Tây Á.

D. Số khách du lịch quốc tế đến và mức chi tiêu của du khách ở cả hai khu vực Đông Nam Á và Tây Á đều thấp hơn so với khu vực Đông Bắc Á.

Cho biểu đồ:

Dựa vào biểu đồ, trả lời các câu hỏi từ 3 đến 6:

**Câu 3.** Biểu đồ trên thể hiện nội dùng nào sau đây?

A. Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

B. Giá trị xuất, nhập khẩu của một số nước trong khu vực Đông Nam Á

C. Chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của một số nước trong khu vự Đông Nam Á

D. Giá trị xuất, nhập khẩu khu vực Đông Nam Á.

**Câu 4.** Nước có giá trị xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất khu vực là

A.Xin-ga-po. B.Thái Lan. C. In-đô-nê-xi-a. D.Việt Nam.

**Câu 5.** Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po?

A. Giá trị xuất, nhập khẩu đều giảm. B. Giá trị xuất, nhập khẩu đều tăng.

C. Các năm giá trị xuất khẩu đều lớn hơn nhập khẩu. D. Các năm giá trị nhập khẩu đều lớn hơn xuất khẩu.

**Câu 6.** Năm 2014, nước có giá trị xuất khẩu nhỏ hơn nhập khẩu là

A. Xin-ga-po. B.In-đô-nê-xi-a. C. Việt Nam. D.Thái Lan.

Tiết 29, 30, 31 - **Bài 15. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI**

**KHU VỰC TÂY NAM Á**

**(03 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiếnthức**

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

**2.Nănglực**

**\*.Nănglựcchung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.**\*. \*.Nănglựcđặcthù:**

- Nhận thức khoa học địa lí:

Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Tìm hiểu địa lí:

Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Khai thác chọn lọc thu thập các tư liệu từ các nguồn khác nhau về khu vực Tây Nam Á

**3.Phẩmchất**

-Chămchỉ,tựgiáchoànthànhnhiệmvụhọctập.

-Tráchnhiệm:hoànthànhnhiệmvụhọctậpbảnthânđượcphâncôngkhilàmviệcnhóm,làmbàitậpvậndụng.

**II.THIẾTBỊDẠYHỌCVÀHỌCLIỆU**

1. **Giáo viên**

- Bản đồ tự nhiên khu vực Tây Nam Á

- Bản đồ phân bố dân cư khu vực Tây Nam Á

- Video, tranh ảnh khu vực Tây Nam Á

**2.Học sinh**

-Đọcbàiởnhà

-Giấynhớ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

*(Cánhân/5phút)*

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức:TạohứngthúchoHskhibướcvàobàihọc.Lay động lòng trắc ẩn, cảm xúc của HS, hình thành các kiến thức ban đầu về khu vực “Điểm nóng” của thế giới

-Kĩnăng:phântíchkhaithácthôngtin,dữliệutừtruyềnthông. Rèn luyện kĩ năng quan sát và phân tích qua clip

*b) Nội dung:* Cá nhân xem video và cảm nhận

*c) Sản phẩm:*

Câu trả lời miệng của HS

*d) Tiến trình hoạt động*

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**Phát PHT/chiếu câu hỏi định hướng trước khi xem clip

- **Clip “Cho em tuổi thơ, cho em hòa bình”**

<https://www.youtube.com/watch?v=Lq6eOyTo5gc>

*+ Vấn đề nào đang diễn ra qua phần trình bày của bé?*

*+ Vấn đề đó đang diễn ra ở đâu? Quốc gia nào? Khu vực nào?*

*+ Nguyên nhân do đâu mà vấn đề đó diễn ra?*



**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**Họcsinhquansátvideovàtrảlờicâuhỏitrongthờigian1phút.

**-Bước3:Báocáo,thảoluận:**HS trình bày chia sẻ theo hình thức xung phong, nêu quan điểm bản thân, chia sẻ cảm xúc

**-Bước4:Kếtluận,nhậnđịnh:**GV cung cấp một số thông tin và tranh ảnh về các kì quan cổ đại, tóm lược lại truyền thuyết" Nghìn lẻ một đêm"..., tóm lược về Tây Nam Á và Trung Á, nêu lên giá trị đặc biệt của khu vực rồi dẫn dắt vào bài.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Vị trí địa lí của Tây Nam Á**

**(Cặp đôi/Nhóm/ khai thác trực quan)**

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức:Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế – xã hội.

-Kĩnăng: Rèn luyện kĩ năng phân tích bản đồ, tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Xác định đc vị trí khu vực, kê tên được các nước của khu vực

*b) Nội dung:* Hsthảoluậncặpđôihoànthànhnhiệmvụhọctập

*c) Sản phẩm:*PhầntrảlờimiệngcủaHS

**1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ**

**a. Vị trí địa lí:**

– Tây Nam Á gồm 20 quốc gia có diện tích khoảng 7 triệu km.

– Vị trí địa lí:

+ Nằm ở phía tây nam của châu Á, phần đất nằm trong khoảng vĩ độ từ 12°B đến 42°B và trong khoảng kinh độ từ 27°Đ đến 73°Đ, vị trí được ví như cầu nối giữa ba châu lục: châu Á, châu Âu và châu Phi, ở vị trí tiếp xúc của các mảng kiến tạo lớn, trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

+ Tiếp giáp với nhiều biển và vịnh biển (Biển Đỏ, A-ráp, vịnh Péc-xích, Địa Trung Hải, Biển Đen), thông ra Đại Tây Dương ở phía bắc và Ấn Độ Dương ở phía nam.

+ Kênh Xuy-ê nối liền Địa Trung Hải với Ấn Độ Dương có ý nghĩa quan trọng đối với hàng hải quốc tế, giúp rút ngắn quãng đường di chuyển từ các khu vực ven Đại Tây Dương sang các khu vực ven Ấn Độ Dương.

**b. Ý nghĩa:**

Vị trí địa lí đã tạo nên một khu vực Tây Nam Á có khí hậu chủ yếu là khô nóng nhưng có tài nguyên khoáng sản phong phú. Tây Nam Á có vị trí địa chính trị quan trọng do nằm giữa ba châu lục; án ngữ các tuyến đường giao thông quan trọng bậc nhất thế giới, có tuyến đường biển huyết mạch dẫn đến các mỏ dầu khí trữ lượng lớn của các quốc gia vùng vịnh Péc-xích.

*d)Tiếntrìnhhoạtđộng*

*-***Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm vị trí địa lí**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV xác định trên bản đồ Các nước trên thế giới, xác định khu vực Tây Nam Á



GV cho Hs thảo luận cặp đôi, phát phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát bản đồ tự nhiên Tây Nam Á hoàn thành phiếu theo cặp đôi trong vòng 3 phút.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

- Tây Nam Á gồm có………………..quốc gia, diện tích …………………………

-Tiếp giáp……………………………………………………………………………

+……………………………………………………………………………………

+……………………………………………………………………………………..+…………................................................................................................................

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS trao đổi theo cặp trong thời gian 3’ để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 3:Báo cáo, thảo luận:**GV gọi ngẫu nhiên cặp đôi HS nêu thông tin

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu kết quả.

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu phân tích ý nghĩa vị trí địa lí**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho Hs thảo luận nhóm, phát phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát bản đồ tự nhiên Tây Nam Á hoàn thành phiếu trong vòng 5 phút.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

* **Ý nghĩa**

**Thuận lợi: + …………………………………………………………………………**

**+………………………………………………………………………….**

**Khó khăn: + …………………………………………………………………………**

**+………………………………………………………………………….**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS trao đổi theo nhóm trong thời gian 5’ để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 3:Báo cáo, thảo luận:**GV cho Hs đổi chéo sản phẩm, nhận xét, bổ sung và gọi 1 nhóm lên báo cáosản phẩm

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình hoạt động của nhóm và chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây Nam Á**

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức: Phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần tự nhiên** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| **Địa hình, đất** | + Địa hình núi, sơn nguyên bao gồm:dãy Cáp-ca, dãy Hin-đu Cúc, sơn nguyênI-ran, sơn nguyên A-na-tô-li, sơn nguyên  Giữa các dãy núi là các thung lũng nhưng có thể phát triển Đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng  + Địa hình đồng bằng bao gồm: đồngbằng Lưỡng Hà do sông Ti-grơ và Ơ -phrátbồi đắp và các đồng bằng nhỏ ở ven vịnh Péc-xích, Địa Trung Hải,.  - Nhiều hoang mạc lớn như Xi-ri, Nê-phút Rúp-en Kha-li. Đất chủ yếu là đất sán hoang mạc và bán hoang mạc. | * Địa hình chia cắt, hiểm trở   gây khó khăn cho giao thôngtrồng trọt và cư trú nhưng có thể chăn nuôi gia súc   * Thuận lợi cư trú và phát triển nông nghiệp * Không thuận lợi cho| canh tác nhưng nhiều nơicó dầu mỏ và khí tự nhiên phong phú |
| **Khí hậu** | Nằm trong đới khí hậu cận nhiệt và đới |khí hậu nhiệt đới, với kiểu khí hậu lục địa là chủ yếu nên khô nóng vào mùa hè, khô t lạnh vào mùa đông.  Khí hậu có sự phân hoá theo chiều bắc - nam. Vùng phía bắc có khí hậu cận nhiệt, vùng phía nam có khí hậu nhiệt đới. Ở các khu vực miền núi, sơn nguyên khí hậu phân hoá theo độ cao | * Nhìn chung, khí hậu Tây Nam Á ít thuận lợi cho cư trú và trồng trọt. Vùng ven biển khí hậu thuận lợi hơn cho hoạt động trồng trọt và cư trú.. |
| **Sông, hồ** | Mạng lưới sông ngòi thưa thớt và phần | lớn bắt nguồn từ vùng núi và sơn nguyên ở phía bắc. Hai con sông lớn nhất là Ti-grơ (dài 1 900 km) và C-phrát (dài 2 800 km). Các con sông khác ít nước, thường chỉ có nước vào mùa mưa. Có một số hồ nước ngọt và nước mặn lớn | * Sông Ti-grơ và Ơ phát hình thành nên đồng bằng màu mỡ thuận lợicho canh tác nông nghiệp,đây cũng là nơi phát triển nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại. Tuy nhiên, các con sông ít nước gây nên tình trạng thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt |
| **Biển** | Vùng biển của Tây Nam Á thuộc các biến như: Biển Đỏ, biển Địa Trung Hải, …  Thông qua Biển Đen, biển Ca-xpi và các đại dương lớn là Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương dễ dàng kết nối với các châu lục khác | Thuận lợi để Tây Nam Á mở rộng giao lưu với nhiều nước châu Â u và các khu vực khác của châu Á, phát triển các ngành kinh tế biển  Tuyến đường biển từ Địa Trung Hải qua Biển Đỏ đến Ấn Độ Dương là tuyến đường thương mại quan trọng |
| **Sinh vật** | Hệ sinh vật nghèo nànchủ yếucây bụi gai, động vật phần lớn là các loàibò sát và gặm nhấm nhỏ ven Địa Trung Hải có rừng lá cứng . | * Khó khăn trong phát triển kinh tế |
| **Khoáng sản** | |Sở hữu trên 50% trữ lượng dầu mỏ và khoảng 40% trữ lượng khí tự nhiên của thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc |gia ven vịnh Péc-xích; ngoài ra còn có những tài nguyên khoáng sản khác như | than đá, sắt, crôm, đồng, phốt phát,. | Dầu khí là động lực phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong khu vực; tuy nhiên, đây là một trong những nguyên nhân chínhdẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp kéo dài |

- Kĩnăng: Đọc và trình bày, phân tích bản đồ.

*b) Nội dung:* Hs hoạt động cá nhân/nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*c) Sản phẩm:*PhầntrảlờitrênPHT

*d) Tiếntrìnhhoạtđộng*

**Nhiệmvụ1:**

**Bước 1: Chuyểngiaonhiệmvụ:**

GV cho Hs chơi trò chơi **AI TINH MẮT** hơn, với nội dung tìm vị trí các dãy núi, sông, hồ, đại dươngcủa KV và ghi tên vào, ai nhanh nhất đúng nhất sẽ chiến thắng

- Tên dãy núi: En-buốc, Hin-đu Cục, sơn nguyên: A-na-tô-ni, I-ran, A-ráp, đồng bằng Lưỡng Hà

- Tên các hồ: hồ Van, hồ U-mi-a, tên sông: Ti-grơ và O-phrat

Tên biển: Biển Chết, Biển Đỏ, biển Địa Trung Hải, Biển Đen, biển Ca-xpi.

Tên đại dương: Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV ghi nhớ bạn làm nhanh nhất. Gv cho Hs đổi sản phẩm cho nhau, bổ sung.GV gọi 1 Hs ngẫu nhiên lên bảng điền vào bản đồ trống.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chuẩn kiến thức

**Nhiệmvụ2:Cảlớp:hoànthànhbảng**

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GVchia lớp thành 4 nhóm thảo luận và hoàn thành bảng kiến thức

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần tự nhiên** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| **Địa hình, đất** |  |  |
| **Khí hậu** |  |  |
| **Sông, hồ** |  |  |
| **Khoáng sản** |  |  |
| **Sinh vật** |  |  |
| **Biển** |  |  |

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

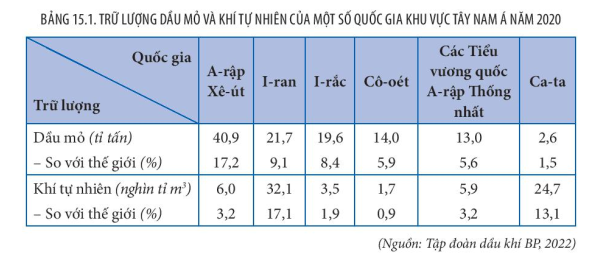
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**Gv cho các nhóm đổi sản phẩm, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV treo 1 sản phẩm lên bảng, GV chuẩn kiến thức

*Map

Description automatically generatedGV có thể mở rộng kiến thức, ví dụ: Khí hậu hoang mạc khô gây ra những vẫn đề nghiêm trọng về nguồn nước. Nước cho sinh hoạt của khu vực lấy từ ba nguồn chính: một phần từ hai sông Ti-grơ và Ơ-phrát, một phần từ nước ngầm và một phần từ lọc nước biển. Hầu hết các quốc gia đều khai thác nước từ các tầng nước ngầm nhưng nguồn cung này đang bị suy giảm nhanh chóng. Các quốc gia trong khu vực nỗ lực để tìm ra những nguồn cung nước và các giải pháp để sử dụng tốt nhất nguồn tài nguyên nước quý giá. GV cũng có thể cung cấp một số hình ảnh, video... về tự nhiên của khu vực đề bài học phong phú và sinh động hơn.*

*GV cho Hs nhận xét BSL để chứng minh tài nguyên giàu có về dầu mỏ*



+GVchuẩnkiếnthức

+HSghibài

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về Dân cư, xã hội của Tây Nam Á**

*a) Mục tiêu*

- Kiến thức: - Phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Kĩ năng: Đọc và trình bày, phân tích bản đồ.

*b) Nội dung:* Hs hoạt động cá nhân/nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*c) Sản phẩm:*Phần trả lời trên PHT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| **Dân cư** | Qui mô  **tỉ lệ gia tăng** | ít dân, số dân năm 2020 là 402,5 triệu người, chiếm khoảng 5,1% dân số thế giới. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên khoảng gần 1,6% (năm 2020). | * Nguồn lao động dồi dào nhưng có tay nghề và trình độ chuyên môn còn hạn chế. * Dân đông, trong điều kiện trình độ phát triển kinh tế chưa cao đã ảnh hưởng tới vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống. * Văn hóa đa dạng ->Phát triển du lịch tuy nhiên xảy ra tình trạng xung đột sắc tộc |
| **Dân tộc** | Phần lớn dân cư khu vực là người Ả-rập (hơn Có nền văn hoá 50% số dân), ngoài ra còn có các dân tộc khác Ả-rập đặc sắc, thuận | như Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Do Thái, Cuốc,... |
|  | **Cơ cấu dân số** | - Tỉ lệ nam nhiều hơn nữ và có xu hướng tăng.  - Cơ cấu dân số trẻ nhiều nước đang bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng |
| **Phân bố dân cư** | Mật độ dân số khá thấp (khoảng 58 người/km, (năm 2020).  - Dân cư phân bố chênh lệch giữa các vùng, các triển, nhiều vùng | quốc gia. Vùng phía bắc, đồng bằng, ven biển và những vùng khai thác dầu mỏ quan trọng là không có dân cư những nơi tập trung đông dân nhất | Nơi tập trung đông dân có kinh tế phát triển , nhiều bvùng hoang mạc rộng lớn không có dân cư sinh sống |
|  | **Đô thị hóa** | Tỉ lệ dân thành thị của khu vực cao, năm 2020|là 72% (trung bình thế giới là 56,2%) nhưng cósự phân hoá: Cô-oét có tỉ lệ dân thành thị cao trung tâm kinh tế nhất (100%), thấp nhất là Y-ê-men (37,9%). phát triển, thu hút - Các thành phố lớn nhất của khu vực là I-xtan-bun (Thổ Nhĩ Kỳ), Bát-đa (I-rắc), Tê-hê-ran(I-ran), Ri-át (A-rập Xê-út) | Có nhiều đô thị, là các trung tâm kinh tế phát triển thu hút ân cư và lao động. |

*d) Tiến trình hoạt động*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ

Đọc thông tin mục 1, bảng 15.2 và hình 15.4, hãy:

+ Nêu đặc điểm dân cư khu vực Tây Nam Á (quy mô và gia tăng, dân tộc, cơ cấu dân , phân bố dân cư, đô thị hoá).

+ Phân tích ảnh hưởng của các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| **Dân cư** | **Qui mô**  **Tỉ lệ gia tăng** |  |  |
| **Dân tộc** |  |
| **Cơ cấu dân số** |  |
| **Phân bố dân cư** |  |  |
| **Đô thị hóa** |  |  |

+ Xác định một số đô thị (từ 5 triệu đến dưới 10 triệu người) và một số siêu đô thị (từ 0 triệu người trở lên) của khu vực Tây Nam Á.

- Xác định một số đô thị (từ 5 triệu đến dưới 10 triệu người) và một số siêu đô thị (từ 10 triệu người trở lên) của khu vực Tây Nam Á

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS để phát biểu ý kiến. HS cần sử dụng bản đồ phân bố dân cư khu vực Tây Nam Á năm 2020 để xác định mật độ dân số theo quốc gia và một số đô thị lớn của khu vực

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chuẩn kiến thức

*– GV có thể mở rộng kiến thức, ví dụ: Tây Nam Á là khu vực ít dân, có cơ cấu dân số trẻ, nhiều quốc gia đang bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng, tuy nhiên khu vực vẫn thu hút một lượng lớn lao động phổ thông từ các quốc gia Nam Á và Đông Nam Á. Điều này dẫn đến nhiều vấn đề đối với lao động nhập cư, ví dụ những khác biệt về tôn giáo, văn hoá, thu nhập, phân biệt đối xử,...*

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về xã hội của Tây Nam Á**

*a) Mục tiêu*

- Kiến thức: Phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Kĩ năng: Đọc và trình bày, phân tích bản đồ.

*b) Nội dung:* Hs hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*c) Sản phẩm:*Phần trả lời trên PHT

**2. Dân cư và xã hội**

**b. Xã hội**

- Nơi khởi nguồn của ba tôn giáo chính là Do Thái giáo, Ki-tô giáo và Hồi giáo → có nguy cơ bất ổn xã hội do xung đột giữa các tôn giáo.

- Nơi xuất hiện của một trong những nền văn minh cổ đại, nhiều lễ hội, phong tục đặc sắc — là nền tảng cho sự phát triển hiện tại, tạo thuận lợi phát triển du lịch. – Chất lượng cuộc sống dân cư trong khu vực ngày càng nâng cao nhưng có sự phân hoá giữa các nước và các nhóm dân cư trong một nước.

- Tây Nam Á có các xung đột sắc tộc, tôn giáo,... chịu sự can thiệp của bên ngoài → ảnh hưởng tiêu cực tới phát triển kinh tế – xã hội của khu vực..

*d) Tiến trình hoạt động*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ

Đọc thông tin mục 2 phân tích ảnh hưởng của đặc điểm xã hội đến phát triển kinh tế xã hội của khu vực Tây Nam Á

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV cho đại diện nhóm trình bày sản phẩm

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chuẩn kiến thức

GV có thể mở rộng thêm kiến thức phong tục tập quán của Tây Nam Á cho bài học thêm hấp dẫn

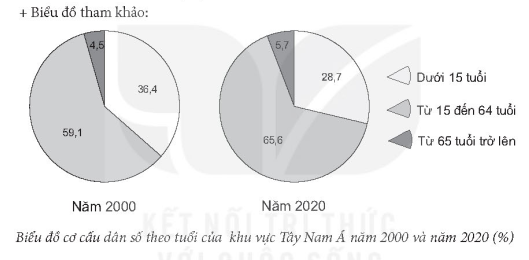
**HOẠTĐỘNG3:LUYỆNTẬP**

*(Cánhân/5phút)*

***a) Mục tiêu*:**Củngcốlạikiếnthứcđãhọc.

***b) Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi củng cố kiến thức

***c) Sản phẩm:***Phầntrảlờitrênbảng/giấycủaHS



Nhận xét: Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ tuổi từ 15-64 tuổi và trên 65 tuổi ngày càng tăng, cung cấp nguồn lao động cho ccs quốc gia khu vực Tây Nam Á

**4.Tiếnhànhhoạtđộng**

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GVyêucầuHS hoàn thành nhiệm vụ:

+ Vẽ biểu đồ cơ cấu dân số theo tuổi của KV Tây Nam Á năm 2000 và 2020 theo bảng 15.2

+ Nhận xét

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**

+HSnghecâuhỏivàtrảlời

**-Bước3.Báocáo,thảoluận:**GVcho Hs đổi sản phẩm nhận xét, bổ sung

**-Bước4.Kếtluận,nhậnđịnh:**GVchiếu 1 sản phẩm Hs, chuẩn kiến thức,nhậnxétvàđánhgiátinhthầnhọctậpcủacảlớp.

**HOẠTĐỘNG4:VẬNDỤNG**

***(Cánhân/3phút)***

***a) Mục tiêu*:** Rèn luyện năng lực khai thác thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác để mở rộng kiến thức và hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

***b) Nội dung:*** Hslựa chọn một quốc gia trong khu vực Tây Nam Á và thu thập tư liệu về một số nét đặc thù trong trang phục, ăn uống, lễ hội của người dân ở quốc gia đó.

***c) Sản phẩm:*** Bài làm củaHS

**4.Tổchứchoạtđộng**

**-Bước1.Chuyểngiaonhiệmvụ:**GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.

– HS sưu tầm thông tin về cảnh quan hoang mạc hoặc một nền văn minh cổ đại của khu vực Tây Nam Á mà em quan tâm.

Hìnhthức:BáocáobằngPPThoặctranh,Minmap

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**HStiếpnhậnvấnđềvàthựchiệnởnhà

**-Bước3:Báocáo,thảoluận:**HsbáocáosảnphẩmbằngPPT,tranhvẽ,Minmaptrongnhómlớp

trướcbuổihọctiếptheo

**-Bước4:Kếtluận:**GVtheodõi,đônđốcvàchấmđánhgiásảnphẩm,côngbốkếtquảtrongtiếthọctiếptheo

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

**V. PHỤ LỤC**

**1/ Link tham khảo**

+ <https://www.adb.org/where-we-work/main>

+ <https://www.oecd.org/mena/>

+ <https://www.gso.gov.vn/>

+ <https://cacnuoc.vn>...

**2/ Hệ thống tranh ảnh**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

Tiết 32, 33 - **Bài 16. KINH TẾ KHU VỰC TÂY NAM Á**

**(02 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiếnthức**

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển một số ngành kinh tế của khu vực Tây NamÁ.

- Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ

- Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu

vực Tây Nam Á

**2.Nănglực**

**\*.Nănglựcchung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.**\*. \*.Nănglựcđặcthù:**

- Nhận thức khoa học địa lí:

Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển một số ngành kinh tế của khu vực Tây Nam Á.

- Tìm hiểu địa lí:

Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp và công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét; phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu

vực Tây Nam Á

**3.Phẩmchất**

– Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Hình thành tinh yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần

phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.

– Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

**II.THIẾTBỊDẠYHỌCVÀHỌCLIỆU**

1. **Giáo viên**

- Bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản khu vực Tây Nam Á năm 2020

– Bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Tây Nam Á năm 2020

- Chuẩn bị phiếu học tập

**2.Học sinh**

-Đọcbàiởnhà,

-Giấynhớ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

*(Cánhân/5phút)*

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức:Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về kinh tế khu vực Tây Nam Á ở cấp học dưới với bài học.

– Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

-Kĩnăng:phântíchkhaithácthôngtin,dữliệutừtruyềnthông. Rèn luyện kĩ năng quan sát và phân tích qua clip

*b) Nội dung:* GV cho Hs đặt tên các bức tranh sau đó nêu cảm nhận

*c) Sản phẩm:*

Câu trả lời miệng của HS

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **2 đứa trẻ 2 số phận** | **Chiến tranh và hòa bình** |
|  |  |
| **Cùng tuổi nhưng số phận khác nhau** | **Trên phim và đời thực** |

*d) Tiến trình hoạt động*

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GV cho Hs xem 4 bức tranh yêu cầu đặt tên cho tranh và nêu cảm nhận của em

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**Họcsinhquansátvàđặt tên tranhtrongthờigian2phút.

**-Bước3:Báocáo,thảoluận:**HS trình bày chia sẻ theo hình thức xung phong, nêu quan điểm bản thân, chia sẻ cảm xúc

**-Bước4:Kếtluận,nhậnđịnh:**GV chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế và nguyên nhân**

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức: Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á.

Kĩnăng:Phân tích được các bảng số liệu về tinh hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

*b) Nội dung:* Hsthảoluậncặpđôihoànthànhnhiệmvụhọctập

*c) Sản phẩm:*PhầntrảlờimiệngcủaHS

**1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**a. Tình hình phát triển kinh tế**

– Quy mô GDP: tăng liên tục nhưng còn nhỏ so với thế giới, có sự khác biệt rất lớn

giữa các quốc gia.

- Tăng trưởng kinh tế: có nhiều biến động, thiếu ổn định.

- Cơ cấu kinh tế: ngành nông nghiệp có xu hướng giảm, ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm hơn 80% và có xu hướng tăng

**b. Nguyên nhân:**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc điểm chung | Giải thích |
| Phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | Do nguồn tài nguyên dầu khí phong phú |
| Tăng trưởng kinh tế có nhiều biển động | Do bất ổn xã hội, giá dấu không ổn định. dịch bệnh... |
| Sự chênh lệch về trình độ phát triển | kinh tế giữa các quốc gia | Do sự phân bố tài nguyên dầu mỏ không đều giữa các quốc gia, chính sách phát triển và đầu tư của từng quốc gia, tác động của các cường quốc. |
| Nhiều quốc gia Tây Nam Á đang trong quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế dầu khí sang nền kinh tế tri thức, đẩymạnh nghiên cứu và phát triển. | Nhằm giảm dần sự lệ thuộc vào dầu khí. |

.

*d)Tiếntrìnhhoạtđộng*

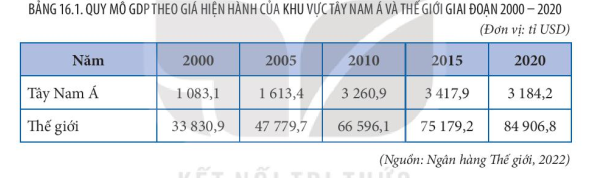
*-***Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia ra 2 cụm mỗi cụm 3 nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập

Đọc SGK mục I, kết hợp với kiến thức của bản thân, trình bày khái quát tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á.

Nhóm 1: Dựa vào bảng 16.1, nhận xét về quy mô GDP theo giá hiện hành của khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2000 – 2020.



Nhóm 2: Dựa vào bảng 16.2, nhận xét về quy mô GDP theo giá hiện hành của một số quốc gia khu vực Tây Nam Á năm 2000 và năm 2020.

A blue and white chart with black text

Description automatically generated

Nhóm 3:Dựa vào bảng 163, nhận xét về tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2010 – 2020.

A screenshot of a document

Description automatically generated

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS trao đổi theo cặp trong thời gian 3’ để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 3:Báo cáo, thảo luận:**GV gọi ngẫu nhiên cặp đôi HS nêu thông tin

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu kết quả.

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nguyên nhân**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho Hs thảo luận cặp đôi, hoàn thành nhiệm vụ sau:

*Đọc thông tin mục 2 để tìm hiểu các nguyên nhân để giải thích các đặc điểm kinh tế của khu vực Tây Nam Á?*

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS trao đổi theo cặp đôi trong thời gian 3’ để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 3:Báo cáo, thảo luận:**GV cho Hs đổi chéo sản phẩm, nhận xét, bổ sung và gọi 1 nhóm lên báo cáosản phẩm

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình hoạt động của nhóm và chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về một số ngành kinh tếcủa khu vực Tây Nam Á**

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức: Trình bày khái quát một số ngành kinh tế nổi bật của khu vực Tây Nam Á. -

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngành kinh tế** | **Sự phát triển** | **Phân bố** |
| **Nông nghiệp** | - Sản xuất nông nghiệp tương đốikhó khăn, một số quốc gia có nền nghiệp công nghệ cao nông nghiệp tiên tiến,  - Các sản phẩm trồng trọt chính: cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả.  - Chăn nuôi kém phát triển, chân thả là hình thức chăn nuôi phổ biến.  - Thuỷ sản chưa thực sự phát triển. | - Các quốc gia có nền nông nghiệp công nghệ cao : I-xra-en, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất.  - Thổ Nhĩ Kỳ, I-ran I-rắc, A-rập Xê-út, I-xra-en..  - Ven Địa Trung Hải, | Biển Đỏ vịnh Péc-xích... |
| **Công nghiệp** | - Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành kinh tế then chốt.  - Công nghiệp dệt, may phát triển khá mạnh. Công nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng chưa thực phát triển mạnh.  - Ngành công nghiệp năng lượng tái tạo  đang được đầu tư và phát triển. | - Các quốc gia ven vịnh Péc xích.  - Thổ Nhĩ Kỳ, Xi-ri, I-ran, Irắc.  - Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất. A-rập manh  Xê-út,... |
| **Dịch vụ** | - Giao thông hàng hải là thế mạnh với nhiều cảng lớn. Giao thông không là hình thức chính với nhiều sân bay lớn.  - Hoạt động ngoại thương nổi bật nhất là xuất khẩu các sản phẩm từ dầu mỏ và khí tự nhiên; mặt hàng nhập khẩu chính là nguyên liệu thô,nông sản.  -Du lịch đang ngày càng được khuyến khích và phát triển | -I-xra-en, Thổ Nhĩ Kỳ, Y-ê-men..  - Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất. Cô taThổ Nhĩ Kỳ A-déc-bai-gian  - Thổ Nhĩ Kỳ, A-rập Xê-út,Các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất…. |

- Kĩnăng:Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản và bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Tây Nam Á, rút ra nhận xét.

*b) Nội dung:* Hs hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*c) Sản phẩm:*PhầntrảlờitrênPHT

*d) Tiếntrìnhhoạtđộng*

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GVchia lớp thành 4 nhóm thảo luận đọc thông tin mục II và hình 16.2, 16.3, hãy trình bày tình hình phát triển một số ngành kinh tế ở khu vực Tây Nam Á theo bảng sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngành kinh tế** | **Sự phát triển** | **Phân bố** |
| **Nông nghiệp** |  |  |
| **Công nghiệp** |  |  |
| **Dịch vụ** |  |  |

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**Gv cho các nhóm đổi sản phẩm, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV treo 1 sản phẩm lên bảng, GV chuẩn kiến thức

+GVchuẩnkiếnthức

+HSghibài

**HOẠTĐỘNG3:LUYỆNTẬP**

*(Cánhân/5phút)*

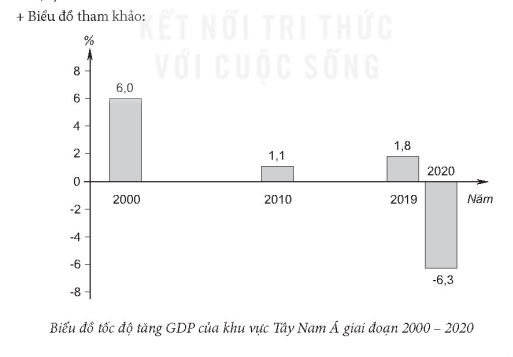
***a) Mục tiêu*:**

-Củng cố kiến thức lí thuyết về tinh hình phát triển kinh tế khu vực Tây Nam Á.

- Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đó, phân tích bảng số liệu

***b) Nội dung:*** Hs vẽ biểu đồ dựa vào bảng 16.3 và nhận xét

***c) Sản phẩm:***Phầntrảlờitrênbảng/giấycủaHS



**Nhận xét:** *Tốc độ tăng GDP của khu vực Tây Nam Á không ổn định do phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân: bất ổn chính trị giá dầu mỏ, điều kiện quốc tế, thiên tai, dịch bệnh...*

**4.Tiếnhànhhoạtđộng**

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GVgiao nhiệm vụ cho HS

Dựa vào bảng 16.3 vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng GDP của khu vực Tây Nam Á giai đoạn 2010-2020 rồi nhận xét, giải thích

A screenshot of a document

Description automatically generated

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**

+HSthực hiện nhiệm vụ

**-Bước3.Báocáo,thảoluận:**GVcho HS đổi sản phẩmvàbổsungchonhau

**-Bước4.Kếtluận,nhậnđịnh:**GVchiếu 1 sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức,nhậnxétvàđánhgiátinhthầnhọctậpcủacảlớp.

**HOẠTĐỘNG4:VẬNDỤNG**

***(Cánhân/3phút)***

***a) Mục tiêu*:** Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của khu vực Tây Nam Á, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.

***b) Nội dung:*** Hs sưu tầm thông tin về một hoạt động kinh tế của khu vực Tây Nam Á (các ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, du lịch, xuất khẩu,...) mà em quan tâm viết thành một báo cáo ngắn

***c) Sản phẩm:*** Bài làm củaHS

|  |
| --- |
| Là một quốc gia nhỏ bé, với diện tích chỉ khoảng 22 000 km và đang đứng trước mối nguy cạn kiệt dần nguồn nước ngọt nhưng **I-xra-en** được nhắc đến là một quốc gia có nền nông nghiệp hiện đại bậc nhất thế giới. Trong giai đoạn ngắn, I-xra-en đã chuyển từ tinh trạng thiếu nước, thiếu lương thực đến tự túc lương thực, thực phẩm và có xuất khẩu I-xra-en đã tạo ra một nền nông nghiệp với các phương pháp, hệ thống và những sản phẩm nông nghiệp hiện đại trên phần diện tích với hơn một nửa là sa mạc. Chia khoá thành công trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại I-xra-en là sự hợp tác chặt chẽ của “4 nhà: nhà nghiên cứu cán bộ khuyến nông, nông dân và các ngành công nghiệp hỗ trợ. Chính vì vậy, mọi khó khăn đều có thể khắc phục. Thông tin phát sinh trên đồng ruộng ngay lập tức được chuyển đến cho các nhà khoa học và ngược lại, nếu có kĩ thuật tiên tiến nào thì người nông dân đều nhanh chóng được tiếp cận và phổ cập rộng rãi. Ngày càng có nhiều thiết bị hiện đại ứng dụng trên đồng ruộng I-xra-en như hệ thống tái sử dụng nguồn nước, công nghệ tạo ẩm cho các vùng đất canh tác khô cần, công nghệ biến đổi gen... Luôn đi đầu trong ứng dụng khoa học vào sản xuất nông nghiệp I-xra-en đã trở thành một điển hình nông nghiệp của thế giới. Họ áp dụng công nghệ và cơ giới vào tất cả các khâu có thể, từ khâu làm đất, gieo trồng cho đến khâu thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch.  – **Khẩu vườn ươm**: Các khay xốp được đưa tuần tự qua dây chuyển để vào đất và gieo hạt giống Sau đó đưa ra vườn ươm để thủ khả năng đồng đều của hạt giống. Tại I-xra-en, da số người nông dân chỉ trồng cây con được mua từ các công ty giống mà không trực tiếp trồng bằng hạt.  **- Khâu gieo trồng: I-xra-en là quốc gia rất phát triển về hệ thống màn phủ bạt dùng trong sản xuất nông nghiệp Do đó đã phát triển nhiều loại nhà lưới, nhà màng với nhiều cấu trúc khác nhau, tuỳ theo từng loại cây trồng và nhu cầu sử dụng (chống bụi, chống bức xạ, hoặc giữ nhiệt cho đất...). Ví dụ như nhà phủ nilông dùng trồng ớt, dưa chuột, cả chua... hay nhà dạng đường hầm lớn dùng trống dưa lưới... dạng phủ thấp dùng trồng dâu tây... Bên cạnh đó cũng có dạng trồng ngoài đồng thường đối với các loại rau ăn củ như khoai tây, khoai lang, củ đến... Mọi cảnh đồng đều được cày xới, rạch hàng bằng máy với kích thước nhất định để thuận tiện cho việc gieo trồng, tưới phân và thu hoạch bằng cơ giới về sau. Tuy nhiên xây dựng hệ thống nhà lưới như I-xra-en cần đầu tư rất lớn, vì vậy khó phổ biến đại trả trong điều kiện của Việt Nam.**  **- Hệ thống tưới tiêu do đặc thù thiếu nguồn nước ngọt nên I-xra-en rất phát triển hệ thống tưới tiết kiệm nước: tuỳ từng mô hình, từng nhu cầu tưới mà ứng dụng các linh kiện (tưới thằng, bán nguyệt, xoay tròn...) và cách tưới thích hợp (tưới nhỏ giọt, tưới phun sương...). Hệ thống tưới này kết hợp bón phân cho cây được quản lí tự động bằng máy tính, kết nối với máy cảm biến nhu cầu của cây nhằm tiết kiệm nước và phân bón.**  **- Thu hoạch và xử lí sau thu hoạch: Do hình thức sinh hoạt đặc thù là góp chung ruộng đất, máy móc nên việc canh tác của các hộ gia đình đều có máy móc hỗ trợ; thu hoạch bằng máy đối với các loại rau ăn củ (cà rốt, khoai tây...), máy rửa củ quả bằng hệ thống nước nóng nhằm diệt mầm bệnh đối với các hộ nhỏ lẻ, hoặc dây chuyền xử lí, dán nhãn, phân loại của các nhà máy sơ chế, đóng gói. Sau đó, tuỳ vào việc nông sản được xuất khẩu hay tiêu thụ nội địa mà được lưu trữ lạnh với các nhiệt độ khác nhau nhằm làm ngưng quá trình chín của**  **quả từ đó có thể bảo quản lâu hơn. Tất cả quá trình bảo quản này đều được tự động hoá bằng các thiết bị kết nối với máy tính.**  **– Thực hành quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) ở I-xra-en đã áp dụng GAP từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX. Tuy nhiên còn tuỳ thuộc vào thị trường tiêu thụ mà áp dụng nếu xuất khẩu thì sản xuất theo các tiêu chuẩn của GlobalGAP, nếu tiêu thụ nội địa thì chỉ áp dụng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó là các chương trình khuyến nông quốc gia nhằm đảm bảo cho người nông dân ý thức được sự cần thiết của việc an toàn trong sản xuất nông nghiệp Sản xuất rau quả hoàn toàn hữu cơ cũng đã được áp dụng rộng rãi ở I-xra-en. Trồng trọt hoàn toàn không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật mà chỉ áp dụng các biện pháp đấu tranh sinh học như dùng nhận ăn mới diệt ấu trùng rệp sáp, ong kí sinh đẻ trứng vào ấu trùng rầy mềm và giòi đục lá.** |

**4.Tổchứchoạtđộng**

**-Bước1.Chuyểngiaonhiệmvụ:**GVgiaonhiệmvụchoHSởnhà

Sưu tầm thông tin về một hoạt động kinh tế của khu vực Tây Nam Á (các ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, du lịch, xuất khẩu,...) mà em quan tâm viết thành một báo cáo ngắn

Hìnhthức:BáocáobằngPPThoặctranh,Minmap

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**HStiếpnhậnvấnđềvàthựchiệnởnhà

**-Bước3:Báocáo,thảoluận:**HsbáocáosảnphẩmbằngPPT,tranhvẽ,Minmaptrongnhómlớptrướcbuổihọctiếptheo

**-Bước4:Kếtluận:**GVtheodõi,đônđốcvàchấmđánhgiásảnphẩm,côngbốkếtquảtrongtiếthọctiếptheo

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

**V. PHỤ LỤC**

**1. Link tham khảo**

**– Đường link các trang web để HS tìm dữ liệu**

**+** [**https://www.gso.gov.vn/**](https://www.gso.gov.vn/)

**+** [**https://cacnuoc.vn/**](https://cacnuoc.vn/)

**+** [**https://data.worldbank.org/**](https://data.worldbank.org/)

**+** [**https://www.fao.org/home/en/**](https://www.fao.org/home/en/)**....**

**2/ Hệ thống tranh ảnh**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

Tiết 34 - **BÀI 17:THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ DẦU MỎ**

**CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á (1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiếnthức**

Học xong bài này, em sẽ:

-Viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

- HS biết khai thác, chọn lọc thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác liên quan đến vấn đề dấu khi ở khu vực Tây Nam Á và viết báo cáo

**2.Nănglực**

**\*.Nănglựcchung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.**\*. \*.Nănglựcđặcthù:**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Xác định được các bước cần thiết để viết báo cáo về một vấn đề địa lí.

+ Xác định được các nội dung để viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí có liên quan đến ngành dầu mỏ của Tây Nam Á.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Phân tích tác động của ngành dầu khí đến phát triển kinh tế-xã hội toàn khu vực và trên thế giới hiện nay.

**3.Phẩmchất**

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

-Tráchnhiệm:hoànthànhnhiệmvụhọctậpbảnthânđượcphâncôngkhilàmviệcnhóm,làmbàitậpvậndụng.Có trách nhiệm cao trong bảo vệ tài nguyên, môi trường và tinh thần hợp tác quốc tế.

**II.THIẾTBỊDẠYHỌCVÀHỌCLIỆU**

1. **Giáo viên**

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế chung khu vực Tây Nam Á

- Tài liệu cho HS và giao nhiệm vụ từ tiết trước

**\*GV gợi ý HS thu thập tư liệu**

- Thu thập tư liệu từ các sách, báo, tạp chí và các tài liệu khác về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á

- Một số website có tư liệu về tài nguyên dầu mỏ và kai thác ở khu vực Tây Nam Á:

+ Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC): <https://www.opec.org>

+ Ngân hàng thế giới (WB): <https://www.worldbank.org>

và hướng dẫn Hs khai thác thông tin như sau

- Dựa vào kiến thức đã học, thông tin tham khảo và thông tin thu thập được, nêu vai trò của tài nguyên dầu mỏ đối với khu vực Tây Nam Á.

– Dựa vào bảng 17, cho biết:

+ Trũ lượng, sản lượng khai thác, sản lượng xuất khẩu dầu mỏ của khu vực (có thể so

sánh với thế giới).

+ Trữ lượng, sản lượng khai thác, sản lượng xuất khẩu khi tự nhiên của khu vực (có thểso sánh với thế giới).

- Dựa vào thông tin tham khảo, chọn lọc các thông tin liên quan đến nội dung báo cáo.

**2.Học sinh**

Tư liệu về dầu khí một số nước Tây Nam Á, phiếu đánh giá. Dàn ý bài báo cáo

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

*(Cánhân/5phút)*

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức:TạohứngthúchoHskhibướcvàobàihọc.

-Kĩnăng:phântíchkhaithácthôngtin,dữliệutừtruyềnthông.

*b) Nội dung:* Hs chơi trò chơi theo nhóm

*c) Sản phẩm:*

Câu trả lời miệng của HS

*d) Tiến trình hoạt động*

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GV chia lớp thành 4 nhóm. GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. Gv có 4 câu hỏi,nhóm nào nhanh hơn thì được quyền trả lời, trả lời đúng thì đc cộng điểm, sai thì đội khác có quyền bổ sung

**Câu hỏi 1:** Điền từ tích hợp vào chỗ trống

Tây Nam Á được xem là…….. thế giới ( Từ liên quan đến tài nguyên dầu mỏ)- Rốn dầu

**Câu hỏi 2:** Đất nước nào có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất Tây Nam Á ? -**Ả rập xê út**

**Câu hỏi 3:**Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ trên thế giới có tên viết tắt là gì?**OPEC**

**Câu hỏi 4:**Dầu mỏ được phát hiện đầu tiên ở I ran vào năm nào?**Năm 1908**

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**Họcsinhtham gia trò chơi theo nhóm

**-Bước3:Báocáo,thảoluận:**HS trình bày trình bày

**-Bước4:Kếtluận,nhậnđịnh:**GV chuẩn kiến thức, nhận xét tinh thần học tập, tổng kết trò chơi và dẫn dắt vào bài mới

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1:Kiểm tra nội dung chuẩn bị bài báo cáo ở nhà**

*a) Mục tiêu*

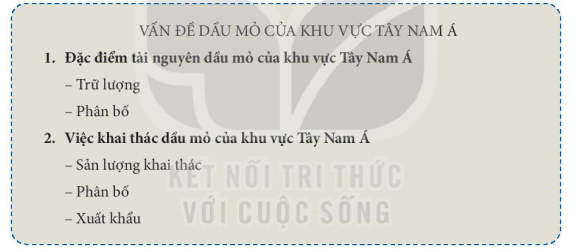
-Kiếnthức:tư liệu và dàn ý bài báo cáo.

-Kĩnăng:**+** HS biết thu thập, chọn lọc, hệ thống hóa tư liệu về tài nguyên dầu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực Tây Nam Á. Lập đề cương để viết báo cáo

+ HS biết kiểm tra và nhận xét công tác chuẩn bị

*b) Nội dung:* Hskiểm tra chéo sản phẩm chuẩn bị của bạn

*c) Sản phẩm:*Sản phẩm chuẩn bị ở nhàcủaHS bào gồm các tư liệu và đề cương



*d)Tiếntrìnhhoạtđộng*

*-***Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho Hs kiểm tra sự chuẩn của bạn đã đầy đủ yêu cầu của GV

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện kiểm tra sự chuẩn bị của bạn

**- Bước 3:Báo cáo, thảo luận:**Gvcho Hs báo cáo kết quả,sau đó GV kiểm tra lại ngẫu nhiên 1 lần nữa

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá sự chuẩn bị của Hs ở nhà.

**Hoạt động 2.2: Viết báo cáo**

*a) Mục tiêu*

-Kiếnthức:Viết báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

- Kĩnăng:Thu thập thông tin, phân tích bản đồ từ đótrình bày báo cáo một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á theo đề cương đã xây dựng

*b) Nội dung:* : Báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á

*c) Sản phẩm:*Bài báo cáo của HS

|  |
| --- |
| **1. Đặc điểm tài nguyên dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á.**  **- Trữ lượng:** Khu vực Tây Nam Á có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới với trữ lượng dầu đã được xác minh năm 2020 là 113,2 tỉ tấn dầu, chiếm 46,3% (gần một nửa) so với trữ lượng dầu mỏ của các mỏ dầu trên toàn thế giới (244,4 tỉ tấn).  **- Phân bố:** Dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á được phát hiện đầu tiên vào năm 1908 tại I-ran, các mỏ dầu tập trung nhiều nhất ở các nước: Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất.  **2. Việc khai thác dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á.**  **- Sản lượng khai thác**:  + Sản lượng dầu thô các nước khu vực Tây Nam Á đã khai thác được năm 2020 đạt 1297,3 triệu tấn, chiếm 31,1% tổng sản lượng khai thác dầu thô của thế giới với 4165,1 triệu tấn.  + Dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á có trữ lượng dồi dào, nhiều mỏ dầu lớn nằm gần cảng, hàm lượng các-bon, lưu huỳnh trong dầu thô thấp, giá nhân công rẻ, lợi nhuận cao nên trung bình hàng năm các nước này khai thác được hơn 1 tỉ tấn dầu, chiếm 1/3 sản lượng dầu toàn thế giới.  **- Phân bố:** chủ yếu ở các quốc gia khai thác và sản xuất dầu mỏ như: Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất…  **- Xuất khẩu:**  + Dầu mỏ của khu vực được khai thác và chuyển theo hệ thống ống dẫn tới các cảng để xuất khẩu dưới dạng dầu thô. Lượng dầu thô xuất khẩu của khu vực Tây Nam Á năm 2020 đạt 874,9 triệu tấn, chiếm 41,5% sản lượng dầu thô xuất khẩu của toàn thế giới (2108,6 triệu tấn).  + Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) được ra đời để kiểm soát giá dầu trên toàn thế giới - đây là một tổ chức hùng mạnh trong thương mại quốc tế.  + Việc khai thác và vận chuyển dầu xuất khẩu tiềm ẩn nhiều nguy cơ tràn dầu gây ô nhiễm môi trường cao. |

*d) Tiếntrìnhhoạtđộng*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chia lớp thành 4 nhóm giao nhiệm vụ báo cáo trên giấy A0. GV tiêu chí chấm sản phẩm, thời gian làm báo cáo 20 phút

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi ngẫu nhiên thành viên của nhóm lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét bổ sung dựa trên bảng tiêu chí ở phụ lục, nếu k kịp các sản phẩm còn lại Gv thu về nhà chấm

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chuẩn kiến thức

**HOẠTĐỘNG3:RÚT KINH NGHIỆM**

*(Cánhân/5phút)*

***a) Mục tiêu*:**Rút ra kinh nghiệm viết bài báo cáo

***b) Nội dung:*** GV cho HS rút kinh nghiệm

***c) Sản phẩm:***Phầntrảlờicủa HS

**4.Tiếnhànhhoạtđộng**

**-Bước1:Chuyểngiaonhiệmvụ:**GVyêucầuHS:

Rút kinh nghiệm sau khi hoàn thành bài báo cáo

**-Bước2:Thựchiệnnhiệmvụ:**

+HSnghecâuhỏivàtrảlời

**-Bước3.Báocáo,thảoluận:**HS trả lời

**-Bước4.Kếtluận,nhậnđịnh:**GVtổng kết,nhậnxétvàđánhgiátinhthầnhọctậpcủacảlớp.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

**V. PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | |
| **A** | **B** | **C** | **D** |
| **1. Nội dung trình bày (đúng chủ đề, thông tin đầy đủ)** | Nêu được đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dẩu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA và bám sát đề cương đã xây dựng, khai thác hiệu quả hợp lí phương tiện trình báo cáo. | Nêu được khá đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dẩu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA, có bám sát đề cương đã xây dựng, khai thác hiệu quả, nhưng còn hợp lí phương tiện trình báo cáo. | Nêu chưa đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dẩu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA và bám sát đề cương đã xây dựng, khai thác chưa hiệu quả, chưa hợp lí phương tiện trình báo cáo. | Nêu chưa đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan, viết báo cáo về vấn đề dẩu mỏ và khai thác dầu mỏ khu vực TNA và bám sát đề cương đã xây dựng, chưa khai thác phương tiện trình báo cáo. |
| **2. Cách trình bày**  **2a. Sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp** | - Trình bày rõ ràng, ngắn gọn  - Sử dụng câu từ phù hợp, dễ hiểu đối với người nghe  - Lời nói truyền cảm, hấp dẫn người nghe. | - Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu song chưa truyền cảm, hấp dẫn. | - Trình bày nhiều chỗ chưa rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu.  - Cách nói chưa hấp dẫn | - Nói dài dòng  - Cách nói không phù hợp, khó hiểu và không hấp dẫn người nghe |
| **2b. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp (tư thế, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười,…).** | - Biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể kết hợp với lời nói một cách hợp lí | - Biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể kết hợp với lời nói nhưng đôi lúc sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp | - Ít sử dụng ngôn ngữ cơ thể hoặc nhiều lúc sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp | - Không sử dụng ngôn ngữ cơ thế hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể không phù hợp. |
| **3. Tương tác với người nghe (nhìn, lắng nghe, đặt câu hỏi, gây chú ý, khuyến khích người nghe,…)** | Sử dụng các hình thức tương tác một cách phù hợp và hiệu quả. | Phần lớn thời gian có tương tác và sử dụng nhiều hình thức tương tác. | Ít tương tác và chỉ sử dụng một vài hình thức tương tác | Không tương tác hoặc tương tác không phù hợp. |
| **4. Quản lí thời gian** | Trình bày đảm bảo đúng thời gian quy định | Thời gian trình bày có nhanh/ chậm so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút). | Thời gian trình bày nhanh/ chậm khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút) | Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều so với thời gian quy định (khoảng 5 phút lên). |
| **5. Điều chỉnh hợp lí, kịp thời (Nội dung, cách trình bày, tương tác, thời gian)** | Biết tự điều chinh hợp lí, kịp thời. | Có điều chỉnh hợp lí và kịp thời khi có người nhắc nhở | Có điều chỉnh hợp lí nhưng chưa kịp thời và phải có người nhắc | Không điều chỉnh gì trong suốt quá trình trình bày |

**-Thông tin thamkhảo**

- Một số website có tư liệu về tài nguyên dầu mỏ và kai thác ở khu vực Tây Nam Á:

+ Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC): <https://www.opec.org>

+ Ngân hàng thế giới (WB): <https://www.worldbank.org>

**Bảng số liệu**



